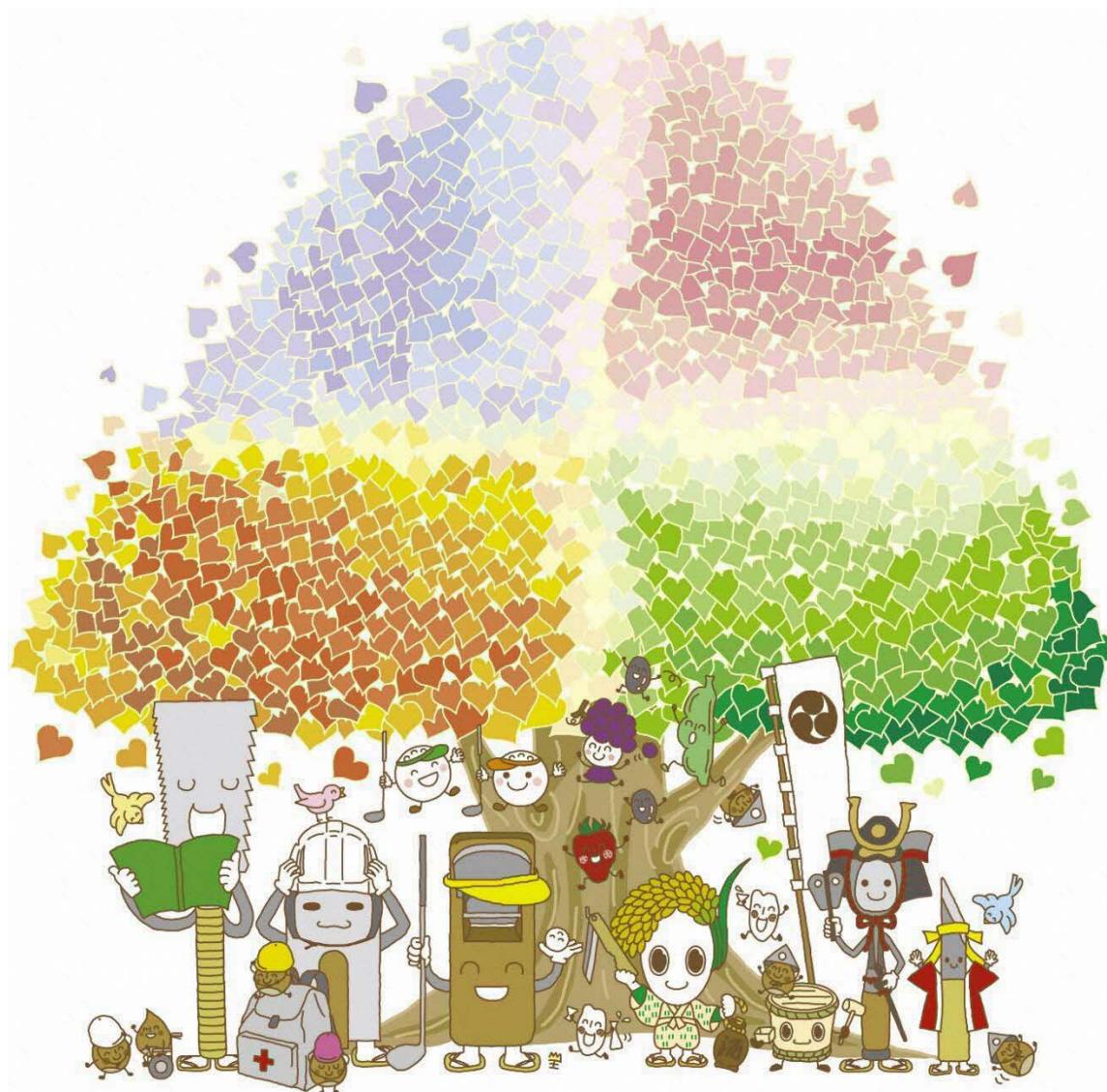


Phiên bản Tiếng Việt (ベトナム語版)

SÁCH HƯỚNG DẪN CUỘC SỐNG THÀNH PHỐ MIKI



Thành Phố Miki

Chào mừng đến với thành phố Miki.

Để người Nhật và người nước ngoài yên tâm sinh sống tại Nhật Bản, điều quan trọng là phải biết rõ các quy tắc và phong tục của Nhật Bản.

“Sách hướng dẫn cuộc sống thành phố miki” là một quyển sách hướng dẫn được viết ra dành cho các bạn người nước ngoài sau khi nhận được thẻ cư trú và bắt đầu sinh sống tại thành phố Miki.

Để mọi người có thể yên tâm sinh sống. Quyển sách này gửi đến các bạn nội dung về những quy tắc và phong tục của Nhật Bản, bao gồm cả những thông tin cần thiết về cuộc sống hàng ngày tại thành phố Miki.

Trong sinh hoạt hằng ngày nếu bạn có bất kỳ thắc mắc hay vấn đề nào, hãy sử dụng quyển sách này như tài liệu tham khảo. Thông tin tên gọi các hệ thống, tên gọi cho những tài liệu, và đặc biệt những từ ngữ cần thiết cho bạn đều được thể hiện trong quyển sách này. Tất cả được thể hiện bằng ngôn ngữ đơn giản, dễ hiểu nhất.

Với sách hướng dẫn này chúng tôi hy vọng sẽ giúp ích cho bạn trong cuộc sống hằng ngày tại thành phố Miki.

Các từ được bôi đen là tên gọi của các tổ chức, hệ thống, văn bản. Câu trong ô là những câu hội thoại cần thiết trong tiếng Nhật mà các bạn cần nên nhớ rõ.



Quyển sách này do Cục quản lý xuất nhập cảnh Nhật Bản biên soạn. Được tham khảo từ sách hướng dẫn trong sinh hoạt, trong công việc với ngôn ngữ dễ tiếp nhận nhất.

Thông tin trong sách hướng dẫn này (bao gồm các đường link URL, các mã QR, v.v..) là những thông tin cập nhật mới nhất vào cuối tháng 3 năm 2025.

“Sách hướng dẫn cuộc sống thành phố Miki” được thực hiện với sự giúp đỡ của các tình nguyện viên của hiệp hội giao lưu quốc tế thành phố Miki.

Người phiên dịch: **Phiên bản mới**

Châu Phạm Đức Hòa,

Nguyễn Thành Trung,

Trần Thị Hồng Thư.

Người phiên dịch: **(2025 Phiên bản sửa đổi)**

Châu Phạm Đức Hòa,

Người soát lỗi:

Nguyễn Thế Thành

Mục lục

Chương 1 : Hãy tham khảo ý kiến khi gặp khó khăn. Quầy tư vấn cho người nước ngoài	...P1
1. Quầy tư vấn cho người nước ngoài	...P1
Chương 2 : Giao lưu quốc tế. Chung sống đa văn hóa là gì?	...P2
1. Chung sống đa văn hóa	...P2
2. Công việc của hiệp hội giao lưu quốc tế	...P2
3. Góc thông tin, tư liệu	...P2
Chương 3 : Thủ tục tại tòa thị chính thành phố. Giới thiệu về My Number	...P3
1. Thủ tục tại tòa thị chính thành phố	...P3
1-1 Thông báo địa chỉ thường trú	...P3
1-2 Thông báo kết hôn	...P4
1-3 Thông báo tang sự	...P4
1-4 Đăng ký con dấu	...P5
2. Giới thiệu về My Number	...P5
2-1 My Number (Mã số cá nhân)	...P5
2-2 Thẻ My Number	...P6
Chương 4 : Tìm nhà	...P7
1. Thông tin nhà ở tại Nhật Bản	...P7
2. Thuê nhà	...P7
3. Điện, gas, hệ thống nước	...P8
3-1 Điện	...P8
3-2 Gas	...P9
3-3 Hệ thống nước	...P9
Chương 5 : Thuế (Việc đóng thuế cho Nhà nước, Thành Phố v.v..)	...P10
1. Thuế thu nhập (phần thuế đóng cho nhà nước)	...P10
2. Thuế cư trú (phần thuế đóng cho Tỉnh, Thành Phố v.v..)	...P11
3. Thuế tiêu thụ	...P12
4. Thuế cho người sở hữu xe cộ	...P12
4-1 Thuế xe ô tô thường / Thuế xe ô tô hạng nhẹ	...P12
4-2 Thuế cho xe trọng tải lớn	...P12
5. Thuế tài sản cố định	...P12

Chương 6 : Điều trị y tế	...P13
1. Bệnh viện • Phòng khám	...P13
1-1 Chẩn đoán chuyên khoa (Nội dung bệnh lý, thương tật)	...P13
1-2 Trong trường hợp mắc bệnh	...P13
2. Bảo hiểm y tế	...P14
2-1 Bảo hiểm y tế trong doanh nghiệp v.v..	...P14
2-2 Bảo hiểm y tế quốc gia	...P14
2-3 Chế độ chăm sóc y tế cho người cao tuổi	...P15
Chương 7 : Lương hưu trí. Phúc lợi	...P16
1. Lương hưu trí (phần tiền nhận được khi về già)	...P16
1-1 Hưu trí quốc dân	...P17
1-2 Bảo hiểm phúc lợi hưu trí	...P18
1-3 Thanh toán một lần (phần tiền có thể nhận được khi về nước)	...P18
2. Bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng (chế độ chăm sóc cần thiết khi về già)	...P18
2-1 Phí bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng	...P19
2-2 Sử dụng dịch vụ chăm sóc điều dưỡng	...P19
3. Phúc lợi cho trẻ em (phần tiền dành cho trẻ em)	...P19
3-1 Trợ cấp trẻ em	...P19
3-2 Trợ cấp trẻ phụ thuộc	...P19
3-3 Trợ cấp đặc biệt cho trẻ phụ thuộc	...P20
3-4 Phúc lợi dành cho trẻ khuyết tật	...P20
4. Phúc lợi dành cho người khuyết tật (dịch vụ cho người lớn và trẻ em khuyết tật)	...P20
4-1 Sổ tay	...P20
4-2 Tên quyền sổ tay sẽ nhận được	...P20
4-3 Dịch vụ hành chính dành cho người lớn và trẻ em khuyết tật	...P20
4-4 Trợ cấp đặc biệt cho người khuyết tật	...P21
5. Hỗ trợ cộng đồng (khi không đủ tiền chi trả cho sinh hoạt hằng ngày)	...P21
5-1 Đối tượng có thể nhận được sự hỗ trợ cộng đồng	...P21
5-2 Những khoản hỗ trợ có thể nhận được	...P21
6. Chế độ hỗ trợ sinh hoạt độc lập cho đối tượng cần thiết (Tư vấn khi bạn gặp khó khăn trong cuộc sống)	...P21



Chương 8 : Sinh con và nuôi con	...P22
1. Khi mang thai	...P22
1-1 Nhận sổ tay sức khỏe Mẹ và Bé	...P22
1-2 Khám sức khỏe sản phụ (chẩn đoán sức khỏe sản phụ)	...P22
1-3 Khám răng miệng sản phụ (Kiểm tra răng miệng cho sản phụ)	...P22
1-4 Tư vấn	...P22
1-5 Các buổi thăm hỏi của các y tá và nữ hộ sinh y tế	...P23
2. Khi em bé được sinh ra đời	...P23
2-1 Giấy khai sinh	...P23
2-2 Nhận thẻ cư trú cho trẻ sơ sinh	...P23
2-3 Tiền được nhận từ bảo hiểm	...P24
2-4 Kiểm tra sức khỏe sản phụ	...P24
3. Trợ cấp trẻ em	...P24
4. Nuôi dạy con cái	...P24
4-1 Khám sức khỏe trẻ 1 tháng tuổi	...P24
4-2 Khám sức khỏe trẻ sơ sinh	...P25
4-3 Tiêm chủng dự phòng (tiêm chủng để phòng tránh bệnh)	...P25
4-4 Trợ cấp y tế trẻ em (hỗ trợ chi phí y tế cho trẻ em)	...P25
4-5 Trẻ em trước khi bước vào bậc tiểu học	...P25
4-6 Thời gian sau giờ học chính	...P25
Chương 9 : Giáo dục	...P26
1. Trường học Nhật Bản (sau bậc tiểu học)	...P26
1-1 Trường tiểu học và trường trung học	...P26
1-2 Trường trung học phổ thông	...P26
1-3 Trường đại học. Đại học ngắn hạn. Trường chuyên ngành	...P26
1-4 Trường học ban đêm	...P26
2. Tiền trợ cấp giáo dục	...P27
2-1 Hỗ trợ việc học tập	...P27
2-2 Học bổng từ Hội đồng Giáo dục Thành phố Miki	...P27
2-3 Quỹ hỗ trợ bậc trung học phổ thông	...P27
2-4 Học bổng dành cho bậc trung học phổ thông	...P27
2-5 Học bổng dành cho các trường đại học	...P27



Chương 10 : Các quy tắc và tập quán trong sinh hoạt hằng ngày	...P28
1. Quy tắc trong sinh hoạt	...P28
1-1 Các quy tắc cơ bản trong việc đổ rác	...P28
1-2 Tiếng ồn (âm thanh ồn, lớn tiếng)	...P29
1-3 Cách sử dụng phần không gian chung căn hộ, nhà chung cư	...P29
1-4 Bồn cầu nhà vệ sinh tại Nhật Bản	...P29
1-5 Việc sử dụng điện thoại di động (Smart phone)	...P29
1-6 Khi sử dụng tàu điện, xe bus	...P29
1-7 Giữ lời hứa và tuân thủ thời gian	...P30
2. Những điều cần thiết trong cuộc sống	...P30
2-1 Mối quan hệ với hàng xóm (Hội tự quản)	...P30
2-2 Phòng chống tội phạm (tránh bị hại bởi các hành vi trộm cắp hay quấy rối tình dục)	...P30
2-3 Tài khoản ngân hàng (cho phép gửi và rút tiền thông qua ngân hàng)	...P30
3. Khi ngồi tàu điện, xe bus	...P31
3-1 Thẻ IC	...P31
3-2 Khi ngồi tàu điện	...P31
3-3 Khi ngồi xe bus (Tuyến xe bus)	...P32
Chương 11 : Giao thông	...P33
1. Quy tắc giao thông	...P33
1-1 Khi đi bộ	...P33
1-2 Khi đi xe đạp	...P33
2. Bảo hiểm xe đạp	...P34
3. Khi xảy ra sự cố giao thông	...P34
Chương 12 : Khẩn cấp (bất ngờ xảy ra bệnh tật, tai nạn). Thiên tai (động đất, sóng thần)	...P35
1. Tình trạng khẩn cấp (bệnh tật, tai nạn) xảy ra, số điện thoại liên hệ	...P35
1-1 Hãy gọi 119 khi xảy ra thương tật hoặc hỏa hoạn đột ngột	...P35
1-2 Hãy gọi 110 trong trường hợp có tai nạn hoặc sự cố	...P35
2. Thiên tai (động đất, sóng thần)	...P36
2-1 Chuẩn bị để được an toàn	...P36
2-2 Tìm hiểu thông tin	...P37
2-3 Di chuyển đến nơi an toàn (sơ tán tránh nạn)	...P37
2-4 Các thiên tai, thảm họa khác	...P38
Về thành phố Miki	...P42

Chương 1 : Hãy tham khảo ý kiến khi gặp khó khăn. **Quầy tư vấn cho người nước ngoài**

1. **Quầy tư vấn cho người nước ngoài**

Khi sinh sống tại Nhật Bản, có rất nhiều thủ tục cần tiến hành nên thường xuyên phải đến tòa thị chính thành phố. Khi thay đổi địa chỉ lưu trú, khi sinh con, hoặc khi cuộc sống của bạn có những thay đổi, bạn phải thông báo cho thành phố biết.

Có những vấn đề không rõ trong sinh hoạt, hoặc gặp phải những khó khăn trong cuộc sống, bất cứ vấn đề nào xin cứ liên hệ với chúng tôi.

Bạn có thể tham vấn bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau. Phí tư vấn là miễn phí (0 yên).

- Trung tâm giao lưu quốc tế thành phố Miki (lầu 4 tòa thị chính thành phố).

Địa chỉ : 10- 30 Uenomaru-cho, thành phố Miki.

Thời gian làm việc : Từ thứ 2 đến thứ 6 9:00 AM ~ 17:00 PM

Ngôn ngữ tư vấn : Tiếng Nhật đơn giản, tiếng Anh.

(các ngôn ngữ khác sẽ được hỗ trợ bằng máy thông dịch).

Tòa thị chính thành phố Miki Khoa hợp tác công dân, Khoa cộng sinh đa văn hóa

☎ 0794-89-2315 FAX 0794-89-2318

<https://www.city.miki.lg.jp/site/forforeigners/>

Email : kyodo@city.miki.lg.jp



Hiệp hội giao lưu quốc tế thành phố Miki. ☎ & Fax 0794-89-2318

Email : kokusai@city.miki.hyogo.jp

- (Quỹ Công ích) Hiệp hội Giao lưu Quốc tế Tỉnh Hyogo

Trung tâm Thông tin cho Người nước ngoài tại Tỉnh Hyogo. ☎ 078-382-2052



Tầng 6 tòa Kobe Crystal Tower, 1-1-3 Higashikawasaki-cho, Quận Chuo, Thành phố Kobe

Tư vấn về cuộc sống: Từ thứ 2 ~ thứ 6. 9:00 AM ~ 17:00 PM (Nghỉ ngày lễ, cuối và đầu năm).

Tư vấn pháp luật: Thứ 2. 13:00 ~ 14:00 / 14:00 ~ 15:00

Tư vấn về Quản lý xuất nhập cảnh: Thứ 5 tuần thứ 3 hàng tháng 13:30 ~ 14:30 / 14:30 ~ 15:30 / 15:30 ~ 16:30. Miễn phí (0 yên) – Vui lòng đặt lịch trước.

Ngôn ngữ hỗ trợ: Tiếng Nhật, Tiếng Anh, Tiếng Trung, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Bồ Đào Nha.

(Tư vấn cuộc sống có thể hỗ trợ thêm nhiều ngôn ngữ khác bằng thông dịch qua điện thoại).

- Mạng lưới cứu trợ người nước ngoài NGO Kobe. ☎ 078-232-1290

Bên trong Nhà thờ Công giáo trung tâm Kobe 1-28-7 Yamate-dori, Quận Chuo, Thành phố Kobe

Tư vấn về cuộc sống: Thứ 7, Chủ nhật 9:00 AM ~ 17:00 PM (Nghỉ ngày lễ, cuối và đầu năm).

Ngôn ngữ hỗ trợ: Có thể tư vấn bằng 20 ngôn ngữ khác nhau.

Chương 2 : Giao lưu quốc tế. Chung sống đa văn hóa là gì?

1. Chung sống đa văn hóa

Những người có quốc tịch và dân tộc khác nhau nhận ra sự khác biệt văn hóa của nhau, cùng nhau xây dựng mối quan hệ bình đẳng và sống chung với nhau như thành viên của cộng đồng trong khu vực.

Cả người Nhật và người nước ngoài đều cùng nhau thừa nhận là một thành viên của khu vực, vừa hợp sức hỗ trợ lẫn nhau vừa suy nghĩ phát triển xã hội.

2. Công việc của hiệp hội giao lưu quốc tế

Hãy đến với trung tâm giao lưu quốc tế. Hiệp hội giao lưu quốc tế là nơi mà người nước ngoài và người Nhật có thể giao lưu với nhau.

Bạn có thể nhận được các tài liệu phát tay được viết bằng nhiều ngôn ngữ. Hãy kết bạn bằng cách tham gia các sự kiện như “Vòng quanh thế giới tại Miki” hoặc “COOL MIKI”.



Hãy cùng nhau tham gia hiệp hội giao lưu quốc tế. Phí hàng năm là 2000 yên.

☐ Học Tiếng Nhật

Có lớp học Tiếng Nhật miễn phí (0 yên).

Lớp học được tổ chức 1 tuần 1 lần. Thời gian học là 1 giờ 30 phút.

Thời gian tổ chức :

Thứ 2 từ 19:00 PM ~ 20:30 PM tại Trung tâm giáo dục thành phố Miki.

Thứ 6 từ 19:00 PM ~ 20:30 PM tại Nhà văn hóa công cộng Jiyugaoka.

Thứ 4 từ 10:00 AM ~ 11:30 AM tại Nhà văn hóa công cộng Yokawa.

Thứ 5 từ 19:00 PM ~ 20:30 PM tại Nhà văn hóa công cộng Jiyugaoka

(lớp học chính khóa). Bạn cũng có thể học tiếng Nhật tại Trung tâm giao lưu quốc tế.

☐ Lớp học tiếng Nhật dành cho trẻ em “Mikizu”.

Dành cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở. Lớp học được tổ chức mỗi tuần 1 lần.

Thời gian: Thứ 6 từ 19:00 PM ~ 20:10 PM. Tại Nhà văn hóa cộng đồng Jiyugaoka. (Phí tài liệu: 2,000 yên)

3. Góc thông tin, tư liệu

Tại Trung tâm giao lưu quốc tế, có nhiều thông tin và tài liệu được thu thập tại đây như “Tạp chí thông tin về cuộc sống bằng nhiều ngôn ngữ”, “Thông tin hành chính” v.v.. Các tờ quảng cáo bạn có thể mang về.

☐ Tư liệu

“Sách hướng dẫn về cuộc sống”, “Maemukini”, “Bảng phân loại rác phiên bản tiếng nước ngoài”, “Hyogo E-net”, “Thông tin khóa học và sự kiện giao lưu quốc tế”, “Thông tin về tình nguyện” v.v..



Chương 3 : Thủ tục tại tòa thị chính thành phố. Giới thiệu về My Number

1. Thủ tục tại tòa thị chính thành phố

1-1. Thông báo địa chỉ thường trú

Người nước ngoài và có “Thẻ cư trú” (người cư trú trung và dài hạn), cần phải thông báo địa chỉ với khoa công dân tòa thị chính thành phố hoặc khoa đời sống công dân chi nhánh Yokawa. Sẽ làm “Phiếu cư dân”.

Tòa thị chính thành phố Miki Khoa công dân ☎ 0794-82-2000
Chi nhánh Yokawa Khoa đời sống công dân ☎ 0794-72-0180



○ Những người cần phải thông báo.

- Những người có “Thẻ cư trú” (người cư trú trung và dài hạn)
- Người vĩnh trú đặc biệt
- Người được phép tị nạn tạm thời hoặc được phép tạm trú
- Những người đã ở lại Nhật Bản do sinh ra hoặc mất quốc tịch Nhật Bản.

(1) Khi nhập cảnh

Khi nhập cảnh vào Nhật Bản và tiếp tục sinh sống trong thời gian dài, phải làm “Thủ tục chuyển đến” trong vòng 14 ngày kể từ ngày có địa chỉ mới.

Hãy mang theo “Thẻ cư trú” và “Hộ chiếu” đến tòa thị chính thành phố.

Những người sống chung với gia đình mà không phải người Nhật thì mang theo những giấy tờ liên quan đến quan hệ gia đình như “Giấy đăng ký kết hôn” hoặc “Giấy khai sinh”.

※ Nếu giấy tờ chứng minh bằng tiếng nước ngoài, cần đính kèm bản dịch tiếng Nhật.
Cần ghi tên người dịch trên bản dịch.

Khi nộp “Thủ tục chuyển đến”, địa chỉ mới sẽ được ghi vào “Thẻ cư trú”.
Giấy chứng nhận cư trú “Phiếu cư dân” sẽ được tạo.



Trên đó sẽ ghi các thông tin như: họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, địa chỉ, v.v.

(2) Khi chuyển nhà

- Những người chuyển đến thành phố • quận • thị trấn • làng khác

Trước khi chuyển đi, phải làm “Thủ tục chuyển đi” tại tòa thị chính thành phố.

Trong vòng 14 ngày sau khi chuyển đi, phải làm “Thủ tục chuyển đến” tại tòa thị chính thành phố về địa chỉ mới.

- Đối tượng chuyển nhà trong cùng thành phố.

Trong 14 ngày sau khi chuyển đi, phải làm “Thủ tục chuyển chỗ ở” tại tòa thị chính thành phố.

(3) Khi rời khỏi đất nước (Khi rời khỏi Nhật Bản).

Trước khi rời đi, phải làm “Thủ tục chuyển đi” tại tòa thị chính thành phố.

1-2. Thông báo kết hôn

Người kết hôn tại Nhật Bản phải “Thông báo kết hôn” cho tòa thị chính thành phố tại nơi mình đang sinh sống.

Người nước ngoài phải mang theo “Giấy chứng nhận đủ điều kiện kết hôn”.

※ “Giấy chứng nhận đủ điều kiện kết hôn” : Có thể lấy ở Đại sứ quán • Lãnh sự quán của đất nước mình tại Nhật Bản.

Nếu không thể lấy được, bạn phải nộp giấy tờ cho biết rằng bạn có thể kết hôn. Nếu được viết bằng tiếng nước ngoài, phải có kèm theo bản dịch sang tiếng Nhật. Phải viết cả tên của người phiên dịch. Người phiên dịch cũng có thể là bản thân mình.

Mặc dù “Thông báo kết hôn” cho tòa thị chính thành phố tại Nhật Bản, nhưng không biết ở đất nước của chồng hoặc vợ, đối phương đã kết hôn hay chưa. Hãy hỏi Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán tại Nhật Bản.



1-3. Thông báo tang sự

Nếu người trong gia đình hoặc người sống chung với mình qua đời, trong vòng 7 ngày từ lúc biết điều đó, phải “Thông báo tang sự” cho tòa thị chính thành phố. “Thông báo tang sự” là thông báo cho tòa thị chính thành phố, khoa đời sống công dân – Chi nhánh Yokawa về nơi ở của người đã mất hoặc nơi ở của người nộp giấy tờ.

Giấy tờ mang theo là “Giấy khám tử thi” hoặc “Giấy chứng nhận sau khi khám tử thi” v.v.. Hãy hỏi khoa công dân của tòa thị chính thành phố.

“Thẻ cư trú” của người đã mất hãy trả lại cho Cục quản lý xuất nhập cảnh gần nhất. Cũng có thể gửi bằng đường bưu điện.

Cục quản lý Xuất nhập cảnh Osaka 〒559-0034 1-29-53 Nankokita, Suminoeku, Osakashi, Osakafu ☎ 06-4703-2050

Cục quản lý Xuất nhập cảnh Osaka Chi cục Kobe

〒650-0024 29 Kaigandori, Chuoku, Kobeshi, Hyogoken ☎ 078-391-6377

1-4. Đăng ký con dấu

Thủ tục mang con dấu đến tòa thị chính thành phố đăng kí gọi là “Đăng kí con dấu”.

Nộp “Đơn xin đăng kí con dấu” cho tòa thị chính thành phố và nhận “Thẻ đăng kí con dấu”.

Con dấu đã đăng kí sẽ trở thành “Con dấu xác nhận chính chủ” của bạn.

Khi có hợp đồng quan trọng như hợp đồng mua bán nhà, không sử dụng chữ kí mà sử dụng “Con dấu xác nhận chính chủ”.

Mang theo “Con dấu xác nhận chính chủ” để đóng dấu, thẻ “My Number” hoặc “Thẻ cư trú”. Hãy liên hệ với khoa công dân tòa thị chính thành phố hoặc khoa đời sống công dân chi nhánh Yokawa.

※ “Giấy chứng nhận đăng kí con dấu” : Khi sử dụng “Con dấu xác nhận chính chủ” cho hợp đồng quan trọng, “Giấy chứng nhận đăng kí con dấu” cũng là một giấy tờ cần thiết.

Để xác nhận “Con dấu xác nhận chính chủ” thật hay không. Mang “Thẻ đăng kí con dấu” đến tòa thị chính thành phố để nhận “Giấy chứng nhận đăng kí con dấu”. Cũng có thể lấy ở cửa hàng tiện lợi nếu sử dụng thẻ “My Number”.

2. Giới thiệu về My Number

2-1. My Number (Mã số cá nhân)

Những người sinh sống ở Nhật Bản có một mã số gọi là “My number (Mã số cá nhân)”.

Đây là mã số 12 chữ số để xác định danh tính của bạn khi thực hiện các thủ tục liên quan đến an sinh xã hội, thuế và phòng chống thiên tai tại Nhật Bản.

Mỗi người có một mã số khác nhau. Sau khi xác định địa chỉ sống ở Nhật Bản, hãy đến tòa thị chính thành phố làm “Thủ tục chuyển đến” bạn sẽ được nhận “Giấy thông báo My Number” bằng đường bưu điện. “My Number” của bạn sẽ ghi ở trong đó.

○ Mã số cá nhân cần thiết trong các trường hợp sau.

- Khi gửi tiền ra nước ngoài tại ngân hàng hoặc công ty chứng khoán, hoặc khi nhận được tiền gửi từ nước ngoài, hoặc khi tạo tài khoản ngân hàng.
- Khi nộp giấy tờ về lương hưu, trợ cấp nuôi con hoặc thuế tại tòa thị chính thành phố.
- Khi bắt đầu làm việc tại công ty hoặc cửa hàng.



Những lúc như vậy, nếu được hỏi về My Number, hãy cho xem “Thẻ My Number” và thông báo về mã số cá nhân của mình.

2-2. “Thẻ My Number”

Để có thể sinh sống thuận tiện tại Nhật Bản bạn cần phải có thẻ My Number, đây là thẻ có gắn chip IC và ghi mã số cá nhân của bạn. Có thể nhận được bằng cách đăng kí.

Khi đăng kí lần đầu tiên thì miễn phí (0 yên).

Tòa thị chính thành phố Miki Khoa công dân

☎ 0794-82-2000

Chi nhánh Yokawa Khoa đời sống công dân

☎ 0794-72-0180



○ Thẻ My Number được sử dụng trong các trường hợp sau đây.

- Khi thông báo về mã số cá nhân.
- Tại cửa hàng tiện lợi, có thể lấy được “Bản sao phiếu cư dân”, “Giấy chứng nhận đăng kí con dấu” v.vv..
- Có thể sử dụng như “Thẻ bảo hiểm y tế” tại bệnh viện.

○ Cách đăng ký nhận thẻ My Number.

Tại quầy giao dịch khoa công dân của tòa thị chính thành phố hoặc khoa đời sống công dân chi nhánh Yokawa nhận “Đơn xin cấp thẻ My number” hoặc đăng kí bằng cách sử dụng mẫu đơn tải về từ “Trang web tổng hợp thẻ My Number”.

Có thể đăng kí trên Internet bằng cách đọc mã QR trên điện thoại thông minh hoặc máy tính cá nhân.

Ngoài ra, từ lúc đăng kí thẻ My Number đến lúc nhận được thẻ tại quầy giao dịch của tòa thị chính thành phố mất khoảng 1 tháng.

Để biết thông tin về cách lấy, hãy tham khảo trên “Trang web tổng hợp thẻ My number”.

<https://www.kojinbango-card.go.jp/en-kofushinse/>



Chương 4 : Tìm nhà

1. Thông tin nhà ở tại Nhật Bản

“Nhà riêng”: Là nhà tự mình mua được. Có nhà nguyên căn và nhà chung cư. Khi xây hoặc mua nhà, cần nhiều thủ tục và hợp đồng khác nhau.

“Nhà ở tư nhân”: Là nhà cho thuê từ chủ nhà (người cho thuê nhà). Có thể ở đó bằng cách thuê và trả tiền thuê nhà qua “Hợp đồng cho thuê”. Hãy xác nhận kĩ đầy đủ nội dung trong hợp đồng.

“Nhà ở công cộng”: Là nhà thuê của quận hoặc thành phố. Ngay cả những người không có nhiều tiền cũng có thể thuê với giá rẻ. Có những quy tắc để có thể thuê được nhà. Quy tắc có thể hỏi bên Khoa xây dựng nhà ở của tòa thị chính thành phố.

2. Thuê nhà

○ Nhà ở tư nhân

Bạn có thể đến các văn phòng bất động sản (nơi giới thiệu nhiều loại nhà cho người muốn thuê hoặc mua nhà) để tìm nhà.

Trong “Sổ tay hướng dẫn tìm nhà”, có viết bằng nhiều ngôn ngữ những điều cần biết khi thuê nhà.



Tài liệu “Hướng dẫn thuê nhà cho người nước ngoài” cũng có những thông tin hữu ích khi bạn đi thuê nhà.



○ Nhà ở công cộng

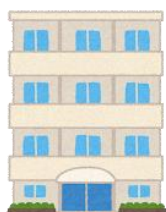
Nhà ở do thành phố quản lý (nhà cho thuê từ thành phố Miki): Hãy liên hệ Khoa xây dựng nhà ở. Tòa thị chính thành phố Miki – khoa xây dựng nhà ở. ☎ 0794-82-2000

Nhà ở do tỉnh quản lý (nhà cho thuê từ tỉnh Hyogo): Hãy liên hệ công ty Anabuki Housing Service Co., Ltd. Anabuki Housing Service – Trung tâm quản lý nhà ở tỉnh (5 khu vực).

☎ 079-256-0701



Căn hộ



Chung cư



Nhà nguyên căn



○ Những từ thường được nghe thấy trong quá trình tìm nhà

Văn phòng bất động sản	Giới thiệu những ngôi nhà khác nhau. Khi tìm nhà, hãy đến và trao đổi.
Chủ nhà	Người cho thuê nhà. Trao đổi nếu có vấn đề gì khó khăn.
Tiền nhà (Tiền thuê nhà)	Số tiền mỗi tháng người thuê nhà phải trả.
Người bảo lãnh liên đới	Người sẽ trả tiền nhà thay cho người thuê nhà trong trường hợp người thuê nhà không thể trả.
Tiền cọc (Tiền bảo đảm)	Số tiền người thuê nhà phải trả khi đã quyết định thuê nhà. Phải trả số tiền tương đương với tiền thuê nhà từ 1 đến 3 tháng. Khi người thuê nhà không thể trả tiền thuê nhà hoặc sau khi người thuê nhà dọn đi cần phải sửa lại nhà thì chủ nhà sẽ dùng số tiền này.
Tiền lễ	Số tiền cảm ơn mà người thuê nhà phải trả khi đã quyết định thuê nhà. Phải trả số tiền tương đương với tiền thuê nhà từ 1 đến 2 tháng.
Phí môi giới	Số tiền trả cho văn phòng bất động sản khi đã giới thiệu nhà cho mình.
Phí quản lí (Phí công ích)	Số tiền phải trả để dọn dẹp hoặc tiền điện những nơi mọi người sử dụng như cầu thang, hành lang,...
Phí gia hạn	Số tiền phải trả khi vẫn ở mà không chuyển đi mặc dù đã hết hợp đồng thuê nhà (Thỏa thuận thuê nhà giữa hai bên).

3. Điện, gas, hệ thống nước

Cần phải liên lạc khi bắt đầu hoặc ngưng sử dụng điện • gas • nước.

Bạn hãy liên lạc sớm nếu đã quyết định ngày chuyển nhà.

Hãy liên lạc và trao đổi với chủ nhà nhé.

※ Tùy theo từng nhà ở mà công ty cung cấp sẽ khác nhau. Hãy hỏi thử chủ nhà nhé.



3-1. Điện

Đăng kí với công ty điện lực bằng Internet hoặc điện thoại.

Bạn có thể sử dụng điện bằng cách bật công tắc cầu dao vào ngày bạn bắt đầu sử dụng điện.

Điện lực Kansai (Từ 9:00 AM ~ 18:00 PM, trừ các ngày thứ 7, chủ nhật, ngày nghỉ lễ, ngày nghỉ cuối năm và đầu năm mới). ☎ 0800-777-8810

3-2. Gas

Đăng kí qua Internet hoặc điện thoại với đại lí bán lẻ gas hoặc nhà phân phối gas LP tại nơi bạn đang ở.

Vào ngày bạn bắt đầu sử dụng, người của công ty gas sẽ đến để kiểm tra thiết bị sau đó hướng dẫn cách sử dụng thiết bị gas để bạn có thể sử dụng.

Người chịu trách nhiệm cần phải có mặt khi sử dụng hoặc khóa gas, nên bạn hãy liên lạc sớm nhé.

Trung tâm dịch vụ khách hàng Gas Osaka (Thứ 2 ~ thứ 7 từ 9:00 AM ~ 19:00 PM)
(Chủ nhật, ngày lễ từ 9:00 AM ~ 17:00 PM)
 0120-794-817

Điện lực Kansai (Từ 9:00 AM ~ 18:00 PM, trừ các ngày thứ 7, chủ nhật, ngày lễ, ngày nghỉ cuối năm và đầu năm mới).

 0800-777-8810

※ Hãy liên hệ bằng điện thoại khi bị rò rỉ ga.

Trên các bình gas và nút bình gas có ghi số điện thoại ở đó.

Gas Osaka, số điện thoại bộ phận rò rỉ gas (365 ngày hoạt động 24/24)

 0120-719-424



3-3. Hệ thống nước

Khi bắt đầu sử dụng nước ở chỗ mới bởi các lí do như chuyển nhà, nếu đã quyết định ngày bắt đầu sử dụng, hãy đăng kí với “Trung tâm dịch vụ khách hàng cục cấp nước thành phố Miki”.

Trung tâm dịch vụ khách hàng cục cấp nước thành phố Miki
(Nghỉ vào ngày lễ, và các ngày nghỉ cuối năm và đầu năm mới
Thứ 2 ~ thứ 6 từ 8:30AM ~ 17:00PM)  0794-82-2010



Chương 5 : Thuế (Việc đóng thuế cho Nhà nước, Thành phố v.v.)

Những người sống và làm việc tại Nhật Bản, người đi mua sắm,.. phải nộp thuế cho nhà nước, tỉnh và thành phố.

Nhiều loại “Tiền thuế” được sử dụng cho đời sống của mọi người. Nếu không hiểu về “Tiền thuế”, hãy trao đổi với Khoa thuế vụ của tòa thị chính thành phố hoặc Chi cục thuế.



Tòa thị chính thành phố Miki Khoa thuế vụ ☎ 0794-82-2000

Chi cục thuế Miki ☎ 0794-82-0501 (hướng dẫn bằng giọng nói tự động)

〒 673-0403 9-10 1choume, Suehiro Mikishi

1. Thuế thu nhập (phần thuế đóng cho nhà nước)

Người có thu nhập cá nhân, chẳng hạn như tiền lương nhận được khi đi làm. Số tiền đóng thuế được quyết định bởi số tiền lương nhận được trong 1 năm từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Những người có tiền lương nhận được khi làm việc ở nước ngoài, hãy trao đổi với Khoa thuế của tòa thị chính thành phố hoặc Chi cục thuế.

○ Cách thanh toán thứ ①

Hàng tháng thanh toán thông qua công ty. (cách thanh toán này gọi là khấu trừ thuế)
Bạn sẽ thanh toán bằng cách trừ từ tiền lương của mình. Khi số tiền thuế đã thanh toán từ tháng 1 đến tháng 11 mà có nhiều hay ít hơn số tiền quy định thì tháng 12 sẽ được tính lại. (Cái này gọi là điều chỉnh thuế cuối năm).

Nếu nhiều quá thì số tiền đó sẽ được trả lại bằng cách cộng vào tiền lương của tháng 12. Số tiền thuế đã trả bao nhiêu thì sẽ được ghi trong tờ giấy “Chi tiết về bảng lương” nhận được hàng tháng từ công ty, và ngày 31 tháng 1 của năm tiếp theo bạn sẽ nhận được tờ giấy có ghi “Khấu trừ thuế thu nhập từ tiền lương” từ công ty.

○ Cách thanh toán thứ ②

Những người không thanh toán khấu trừ thuế và điều chỉnh thuế cuối năm thông qua công ty (cách thanh toán thứ ①) mà tự nộp hồ sơ (cách này gọi là kê khai thuế).

Nộp hồ sơ cho Chi cục thuế trong khoảng thời gian từ ngày 16 tháng 2 đến ngày 15 tháng 3 của năm làm việc tiếp theo. Có thể thanh toán tại cửa hàng tiện lợi, ngân hàng hoặc bưu điện.

Những người về nước, trước khi rời khỏi Nhật Bản phải kê khai thuế (cách thanh toán thứ ②). Hãy trao đổi cụ thể với Chi cục thuế.

○ Những người được giảm thuế thu nhập

Những người dưới đây sẽ được giảm thuế thu nhập. Thông báo cho công ty hoặc Chi cục thuế khi điều chỉnh thuế cuối năm (cách thanh toán thứ ①) hoặc kê khai thuế (cách thanh toán thứ ②).

- Trong gia đình có vợ hoặc chồng thu nhập thấp, có con cái trên 16 tuổi, có bố hoặc mẹ đã lớn tuổi.
- Những người trả tiền bảo hiểm sức khỏe (P14) cho bản thân và gia đình, hưu trí quốc dân (P17), bảo hiểm phúc lợi hưu trí (P18).
- Những người trả tiền các loại bảo hiểm (như bảo hiểm sinh mạng hoặc bảo hiểm y tế).
- Những người trả nhiều tiền trong 1 năm từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 do bản thân hoặc gia đình bị ốm.

2. Thuế cư trú (phần thuế đóng cho Tỉnh, Thành phố v.v..)

Những người đang đi làm, có địa chỉ từ ngày 1 tháng 1 tại Nhật Bản sẽ phải trả. Số tiền phải trả được quyết định bởi số tiền lương nhận được từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 của năm trước.

○ Cách thanh toán thứ ①

Hàng tháng thanh toán thông qua công ty (Cách thanh toán này gọi là thu đặc biệt).

Bạn sẽ thanh toán bằng cách trừ từ tiền lương của mình. Trả số tiền bao nhiêu sẽ được ghi trong tờ giấy “Chi tiết về bảng lương” nhận được hàng tháng từ công ty.

○ Cách thanh toán thứ ②

Những người không thanh toán theo cách thu đặc biệt (cách thanh toán thứ ①) thông qua công ty mà tự mình thanh toán.

- Sẽ có tờ giấy “Hãy thanh toán thuế cư trú” được gửi đến nhà của bạn vào tháng 6 từ Khoa thuế vụ thuộc tòa thị chính thành phố.
- Số tiền thuế được ghi trong thư gửi đến có thể thanh toán tại tòa thị chính thành phố, cửa hàng tiện lợi, ngân hàng, bưu điện.
- Bạn cũng có thể thanh toán bằng ứng dụng điện thoại hoặc thẻ tín dụng từ mã vạch ghi trong thư gửi đến.
- Hạn nộp sẽ được ghi trong thư.



○ Những người về nước, phải thanh toán bằng một trong hai cách sau

- Phải thanh toán toàn bộ số tiền thuế trước khi về nước bằng hình thức thu đặc biệt (cách thanh toán thứ ①) thông qua công ty.
- Thông báo cho Khoa thuế vụ của tòa thị chính thành phố người sẽ thay bạn trả trước khi về nước.

3. Thuế tiêu thụ

Khi bạn mua đồ vật hoặc nhận một dịch vụ, bạn phải trả 8% hoặc 10% tiền thuế cùng với số tiền của đồ vật hoặc dịch vụ đó.

Đồ ăn hoặc đồ uống mua tại các cửa hàng như siêu thị (trừ nước uống có cồn) 8%

Mua nước uống có cồn tại siêu thị, ăn uống tại nhà hàng 10%

Những đồ vật và dịch vụ khác 10%

4. Thuế cho người sở hữu xe cộ

4-1. Thuế xe ô tô thường / Thuế xe ô tô hạng nhẹ

- (1) Thuế xe ô tô mức phân bổ theo hiệu suất môi trường / Thuế xe ô tô hạng nhẹ mức phân bổ theo hiệu suất môi trường.

Khi mua xe ô tô thường hoặc xe ô tô hạng nhẹ, bạn phải trả tiền thuế cho cửa hàng cùng với số tiền của chiếc xe. Phải trả bao nhiêu tùy thuộc vào loại xe bạn đã mua.



- (2) Thuế xe ô tô phân theo loại / Thuế xe ô tô hạng nhẹ phân theo loại

Hàng năm vào ngày 1 tháng 4, người sở hữu xe của riêng mình phải trả.

- (3) Xe có dung tích xi lanh trên 660cc thì phải trả theo “Thuế xe ô tô phân theo loại”, dưới 660cc thì trả theo “Thuế xe ô tô hạng nhẹ phân theo loại”.

Số tiền phải trả bao nhiêu có ghi trong thư được thành phố hoặc tỉnh nơi bạn đang sống chuyển tới nhà của bạn vào khoảng từ tháng 4 đến tháng 5. Phải trả bao nhiêu tùy thuộc vào loại xe.

Thanh toán tại các cửa hàng tiện lợi hoặc ngân hàng, bưu điện,...

Thời hạn bắt buộc phải thanh toán trong thư có ghi rõ.

4-2. Thuế cho xe trọng tải lớn

Phải thanh toán khi “Kiểm tra xe” xem có thể lái xe an toàn hay không.

Phải thanh toán bao nhiêu tùy thuộc vào trọng lượng của xe.

5. Thuế tài sản cố định

Hàng năm vào ngày 1 tháng 1, người sở hữu những thứ dưới đây phải thanh toán.

- Đất đai
- Nhà cửa (nhà ở, căn hộ, chung cư, cao ốc, cửa hàng,...)
- Tài sản khấu hao (Máy móc, dụng cụ, tàu thuyền, trực thăng... dùng cho công việc...)

Số tiền phải thanh toán có ghi trong thư vào tháng 4 sẽ được thành phố chuyển tới nhà bạn.

Số tiền thuế được ghi trong thư có thể được thanh toán tại cửa hàng tiện lợi, ngân hàng hoặc bưu điện.



Chương 6 : Điều trị y tế

1. Bệnh viện • Phòng khám

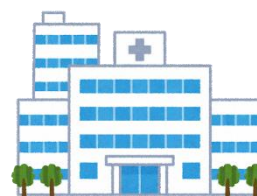
Có bệnh viện và phòng khám ở Nhật Bản.

Nếu bạn bị cảm hoặc bị thương nhẹ, hãy đến phòng khám. Nếu bạn bị bệnh hoặc bị thương nặng, hãy đến bệnh viện.

Đối với những người không thể nói được tiếng Nhật, hãy thử trao đổi tại “Quầy tư vấn cho người nước ngoài” ở Trung tâm giao lưu quốc tế. Xem “Quầy tư vấn cho người nước ngoài” (P1) ở Trung tâm giao lưu quốc tế.

1-1. Chẩn đoán chuyên khoa (Nội dung bệnh lý, thương tật)

Khoa nội	Chữa các bệnh về cảm hoặc nội tạng
Khoa ngoại	Chữa các vết thương, phẫu thuật
Khoa nhi	Chữa các bệnh cho trẻ sơ sinh và trẻ em
Khoa chấn thương chỉnh hình	Chữa các bệnh về xương, khớp, cơ
Khoa mắt	Chữa các bệnh về mắt, kiểm tra mắt
Nha khoa	Chữa các bệnh về răng
Khoa phụ sản	Chữa các bệnh chỉ dành cho phụ nữ, khi sinh em bé



1-2. Trong trường hợp mắc bệnh

- Hướng dẫn y tế bằng tiếng nước ngoài
Hệ thống thông tin cơ sở y tế tỉnh Hyogo
Có thể tìm kiếm bệnh viện bằng ngôn ngữ tiếng nước ngoài.



- Trung tâm thông tin y tế quốc tế tổ chức NPO và AMDA ☎ 03-6233-9266
(Nghỉ vào các ngày lễ và kỳ nghỉ cuối năm – đầu năm) Giờ làm việc: 10:00~16:00
Phí tư vấn: Miễn phí (0 yên).

Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
Tiếng Anh	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Tiếng Anh	Tiếng Anh
Tiếng Hàn Quốc	Tiếng Trung Quốc	Tiếng Tây Ban Nha	Tiếng Trung Quốc	Tiếng Bồ Đào Nha
Tiếng Philippines	Tiếng Thái	Tiếng Việt Nam		Tiếng Việt Nam



- Trung tâm cộng sinh đa văn hóa Hyogo ☎ 078-753-7440
Bộ thu thập thông tin khẩn cấp phiên bản đa ngôn ngữ.



2. Bảo hiểm y tế

Những người sống ở Nhật Bản bất kể quốc tịch nào đều phải tham gia vào “Bảo hiểm y tế” loại bảo hiểm này chỉ được sử dụng bởi chính người đăng ký tham gia. Mọi người phải trả tiền trong trường hợp bị thương hoặc bị ốm khi đến bệnh viện. Khi đến bệnh viện, số tiền mình phải trả sẽ trở nên ít đi. Số tiền còn lại sẽ được bảo hiểm chi trả.

Trong chế độ “Bảo hiểm y tế”, có “Bảo hiểm sức khỏe” dành cho chủ doanh nghiệp và người đang làm việc tại công ty hoặc cơ sở kinh doanh. “Bảo hiểm y tế quốc gia” dành cho người tự kinh doanh, du học sinh, và những người không đi làm. “Chế độ chăm sóc y tế cho người cao tuổi” dành cho người từ 75 tuổi trở lên.

Tòa thị chính thành phố Miki Phòng bảo hiểm và hưu trí

 0794-82-2000

Chi nhánh Yokawa Phòng phúc lợi và sức khỏe

 0794-72-2210

Tòa thị chính thành phố Miki Khoa thuế vụ

 0794-82-2000

2-1. Bảo hiểm y tế trong doanh nghiệp v.v..

Những người đủ các điều kiện như 1 tuần làm việc trên 20 tiếng, lương mỗi tháng trên 88.000 yên thì phải đóng bảo hiểm sức khỏe của công ty.

Hãy hỏi công ty của bạn xem bạn có thể mua bảo hiểm sức khỏe không.

Gia đình của người đóng bảo hiểm sức khỏe đang sống ở Nhật Bản cũng có thể tham gia bảo hiểm sức khỏe. Gia đình có thể đóng bảo hiểm sức khỏe hay không xin hãy hỏi công ty.

☐ Phí bảo hiểm

Công ty sẽ trừ từ tiền lương.

☐ Số tiền phải trả tại bệnh viện

- Từ 0 tuổi đến 18 tuổi, miễn phí (0 yên).

Vui lòng xem phần Trợ cấp y tế trẻ em (trang P25).

- Người dưới 70 tuổi là 30%.
- Người từ 70 tuổi đến 74 tuổi là 20% (Người có mức thu nhập cao là 30%).

2-2. Bảo hiểm y tế quốc gia

Những người không tham gia bảo hiểm sức khỏe của công ty, người dưới 75 tuổi thì đóng bảo hiểm y tế quốc gia.

Người nước ngoài ở Nhật Bản hơn 3 tháng cũng phải tham gia. Người lưu trú với tư cách được “Đặc cách sinh sống” với tư cách lưu trú y tế thì không cần tham gia.

- Thủ tục tham gia bảo hiểm
 - Đăng kí tại Phòng bảo hiểm và hưu trí của tòa thị chính thành phố.
 - Nếu chuyển nhà hoặc bắt đầu công việc thì liên lạc với Phòng bảo hiểm và hưu trí.
- Phí bảo hiểm
 - Phí bảo hiểm trả hàng tháng sẽ khác nhau tùy thuộc vào số người trong gia đình và thu nhập.
 - Trả một lần phần của gia đình cho tòa thị chính thành phố.
 - Nếu có lí do đặc biệt và muốn phí bảo hiểm rẻ hơn thì hãy trao đổi với Khoa thuế vụ của tòa thị chính thành phố.
- Số tiền phải trả tại bệnh viện
 - Từ 0 tuổi đến 18 tuổi, miễn phí (0 yên).
Hãy xem trợ cấp y tế trẻ em (P25).
 - Người dưới 70 tuổi là 30%
 - Người từ 70 tuổi đến 74 tuổi là 20% (Người có mức thu nhập cao là 30%)

2-3. Chế độ chăm sóc y tế cho người cao tuổi

Người trên 75 tuổi thì tham gia Chế độ chăm sóc y tế cho người cao tuổi.

Người nước ngoài ở Nhật Bản hơn 3 tháng cũng phải tham gia. Người lưu trú với tư cách được “Đặc cách sinh sống” với tư cách lưu trú y tế thì không cần tham gia.

Khi 75 tuổi, sẽ được nhận “Giấy xác nhận tư cách được bảo hiểm” từ phòng bảo hiểm và hưu trí của tòa thị chính thành phố.

Lúc đó không thể sử dụng bảo hiểm sức khỏe đã tham gia trước đó.

- Phí bảo hiểm
 - Phí bảo hiểm khác nhau tùy thuộc vào mức thu nhập.
 - Tự trả cho tòa thị chính thành phố.
- Số tiền phải trả tại bệnh viện
 - 10%
 - Người có mức thu nhập cao ví dụ từ lương sẽ là 20% hoặc 30%

Chương 7 : Lương hưu trí. Phúc lợi

1. Lương hưu trí (phần tiền nhận được khi về già)

Người đã tham gia và đóng tiền hưu trí khi về già, lúc gặp bệnh tật hoặc cơ thể bị thương tật. Bạn có thể nhận được số tiền hàng tháng để trang trải cuộc sống.

Khi người tham gia hưu trí không may qua đời, gia đình người thân có thể nhận được phần tiền này.

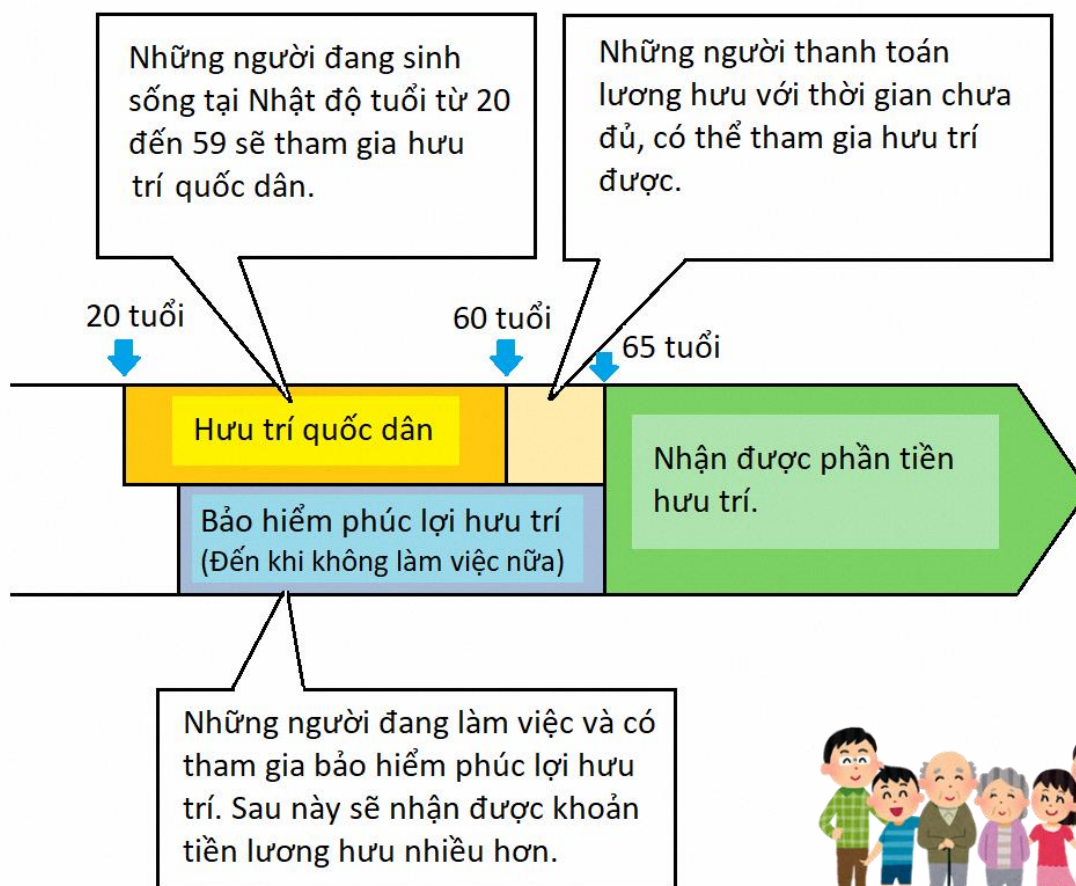
Có hai loại lương hưu quốc gia. Đó là **hưu trí quốc dân** và **bảo hiểm phúc lợi hưu trí**.

Người tham gia lương hưu trí sẽ nhận được **Giấy thông báo mã số lương hưu cơ bản**.

Trong giấy thông báo số tiền lương hưu của bạn sẽ được ghi vào sổ tay này. Khi bạn muốn nhận tiền lương hưu cần phải xuất trình giấy thông báo này.

Khi thất lạc giấy thông báo bạn có thể đến tòa thị chính thành phố phòng bảo hiểm và hưu trí, Chi nhánh Yokawa phòng đời sống công dân hoặc **văn phòng hưu trí** để có thể làm lại.

Tòa thị chính thành phố Miki	Phòng bảo hiểm và hưu trí	☎ 0794-82-2000
Chi nhánh Yokawa	Phòng đời sống công dân	☎ 0794-72-0180
Tổng đài Nenkin (lương hưu)	☎ 0570-05-1165 (Hệ thống trả lời tự động)	
(Văn phòng Lương hưu Akashi)		



1-1. Hưu trí quốc dân

Tất cả những người tuổi từ 20 đến 59 sống tại Nhật đều sẽ tham gia **hưu trí quốc dân**.

Người được bảo hiểm (là thành viên) của quỹ **hưu trí quốc dân**, thuộc các nhóm từ (1) đến (3) sẽ được chia thành phân nhóm như sau.



(1) “Người được bảo hiểm nhóm số 1”

Chỉ được tham gia **hưu trí quốc dân** bao gồm.

Tự vận hành doanh nghiệp (những người không làm việc tại công ty và có cửa hàng riêng v.v..), nhà nông (những người làm công việc trồng trọt như trồng lúa, trồng rau v.v..), làm thủy sản (những công việc như đánh bắt cá v.v..). Những người không làm việc, những người khác với phân nhóm (2) và (3).

Bạn sẽ làm thủ tục tham gia **hưu trí quốc dân** tại phòng bảo hiểm và hưu trí thuộc tòa thị chính thành phố hoặc phòng đời sống công dân tại chi nhánh Yokawa.

Số tiền thanh toán là bao nhiêu sẽ được viết trong thư và gửi đến nhà cho bạn.

Việc thanh toán có thể tiến hành tại Ngân Hàng, Bưu Điện hoặc cửa hàng tiện lợi v.v..

(2) “Người được bảo hiểm nhóm số 2”

Là người tham gia cả **hưu trí quốc dân** và **bảo hiểm phúc lợi hưu trí**.

Người đang làm việc tại công ty, nhà máy, cửa hàng v.v.. (bao gồm cả chủ doanh nghiệp) sẽ tiến hành thủ tục tham gia.

Hàng tháng công ty sẽ thanh toán phần tham gia bảo hiểm hưu trí này. Số tiền thanh toán 1 nửa trích từ tiền lương hàng tháng, 1 nửa công ty sẽ chi trả.

(3) “Người được bảo hiểm nhóm số 3”

Là người chỉ tham gia **hưu trí quốc dân**.

Đối tượng này là chồng hoặc vợ và là người phụ thuộc trợ cấp vào người kia, người mà đang tham gia **bảo hiểm phúc lợi hưu trí** (“Người được bảo hiểm nhóm số 2”).

Khi tiến hành thủ tục tham gia **hưu trí quốc dân**, chồng hoặc vợ “Người được bảo hiểm nhóm 2” đang làm việc tại công ty thì công ty sẽ đứng ra chi trả. Không cần thiết phải tự chi trả cho khoản hưu trí quốc dân này.

○ Số tiền có thể nhận được từ “**Hưu trí quốc dân**”

Để biết bạn có thể nhận được hay không xin vui lòng hỏi tại tòa thị chính thành phố phòng bảo hiểm và hưu trí hoặc phòng đời sống công dân chi nhánh Yokawa, văn phòng hưu trí Akashi

① Từ 65 tuổi trở lên sẽ nhận được “**Lương hưu cơ bản cho người cao niên**”

② Người có cơ thể khiếm khuyết sẽ nhận được “**Lương hưu cơ bản cho người khuyết tật**”

③ Người đã tham gia hưu trí sau khi qua đời, gia đình sẽ nhận được “**Lương hưu cơ bản cho người trong gia đình còn sống**”

④ Người đã tham gia hưu trí sau khi qua đời gia đình sẽ nhận được “**Tiền trợ cấp tử vong**”.

※ ③ “**Lương hưu cơ bản cho người trong gia đình còn sống**” và ④ “**Tiền trợ cấp tử vong**”. Chỉ

nhận được một trong hai khoản này.

- ⑤ Khi người chồng có tham gia bảo hiểm hưu trí khi qua đời, vợ sẽ nhận được “Trợ cấp góa phụ”.

1-2. Bảo hiểm phúc lợi hưu trí

Người đang làm việc trong công ty, nhà máy, cửa hàng v.v.. và chưa đến 70 tuổi. Tại đơn vị làm việc quyết định tham gia bảo hiểm phúc lợi hưu trí, công ty sẽ tiến hành làm thủ tục tham gia. Số tiền thanh toán hàng tháng sẽ được công ty trích từ lương hàng tháng chi trả 1 nửa, nửa còn lại công ty sẽ đứng ra chi trả.

○ Số tiền có thể nhận được từ “Bảo hiểm phúc lợi hưu trí” (lương hưu trí)
Có thể nhận được hay không hãy đến văn phòng hưu trí Akashi để được tư vấn.



- ① Khi về già sẽ nhận được “Lương hưu phúc lợi tuổi già”
- ② Người có cơ thể khiếm khuyết sẽ nhận được “Lương hưu phúc lợi dành cho người khuyết tật”
- ③ Người đã tham gia hưu trí sau khi qua đời gia đình sẽ nhận được “Lương hưu phúc lợi cho người trong gia đình còn sống”

1-3. Thanh toán một lần (phần tiền có thể nhận được khi về nước)

Khi không tham gia bảo hiểm hưu trí tại Nhật nữa và trở về nước sở tại, có thể nhận lại được số tiền đã tham gia.

Để có thể nhận lại được khoản đã tham gia cần phải đủ điều kiện từ 1 đến 5 dưới đây.

- ① Khoản tiền tham gia hưu trí quốc dân hay bảo hiểm phúc lợi hưu trí đều phải tham gia từ 6 tháng trở lên.
- ② Thời hạn thanh toán trong vòng 9 năm 11 tháng.
- ③ Giấy tờ thông báo “Thủ tục chuyển đi” (P4) do tòa thị chính thành phố cấp, địa chỉ tại Nhật Bản không còn nữa.
- ④ Đã hoàn tất chấm dứt các thủ tục bảo hiểm phúc lợi hưu trí tại công ty.
- ⑤ Chưa nhận số tiền “Lương hưu cơ bản cho người khuyết tật” và “Lương hưu phúc lợi dành cho người khuyết tật”.

※ “Lương hưu cơ bản cho người khuyết tật” và “Lương hưu phúc lợi dành cho người khuyết tật” là khoản trợ cấp lương hưu dành cho người khuyết tật.

2. Bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng (chế độ chăm sóc cần thiết khi về già)

Bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng là chế độ thu tiền từ những người từ 40 tuổi trở lên để hỗ trợ những người cần được chăm sóc. Người tham gia và đóng phí bảo hiểm này, khi cần được chăm sóc, có thể sử dụng dịch vụ này.

Chăm sóc có nghĩa là giúp đỡ những người gặp khó khăn trong sinh hoạt hàng ngày như ăn uống hay tắm rửa, do tuổi cao hoặc mắc bệnh đặc biệt.

2-1. Phí bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng

Nếu bạn trên 40 tuổi trở lên và sinh sống tại Nhật Bản trên 3 tháng, bạn sẽ tham gia vào bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng, phí bảo hiểm sẽ được trả chung với bảo hiểm y tế.

Nếu bạn từ 65 tuổi trở đi, tiền bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng sẽ được trừ từ tiền lương hưu mà bạn nhận. Nếu không thể trừ từ lương hưu, sẽ có giấy thông báo nộp tiền gửi đến, bạn hãy thanh toán tại ngân hàng hoặc bưu điện.

2-2. Sử dụng dịch vụ chăm sóc

Nếu bạn từ 65 tuổi trở lên hoặc 40 tuổi trở lên, mắc bệnh đặc biệt và cảm thấy mình cần được chăm sóc, hãy đến khoa bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng của tòa thị chính thành phố hoặc khoa phúc lợi y tế chi nhánh Yokawa để đăng ký.

Chi tiết xin liên hệ Tòa thị chính Thành phố khoa bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng hoặc khoa phúc lợi y tế tại chi nhánh Yokawa.

Tòa thị chính thành phố Miki Khoa bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng ☎ 0794-82-2000

Khoa phúc lợi y tế (Trung tâm phúc lợi sức khỏe Yokawa) ☎ 0794-72-2210

Bạn sẽ thảo luận với người chuyên môn (như quản lý chăm sóc – care manager) để quyết định nên sử dụng loại dịch vụ chăm sóc nào.

Vui lòng hỏi Trung tâm Hỗ trợ Tổng hợp Khu vực Trung tâm Thành phố Miki để biết chi tiết hơn.



Trung tâm Hỗ trợ Tổng hợp Khu vực Trung tâm Thành phố Miki ☎ 0794-89-2337

Trung tâm Hỗ trợ Tổng hợp Khu vực Trung tâm Thành phố Miki

(Trung tâm phụ trách khu vực phía Tây)

☎ 0794-83-0160

Trung tâm Hỗ trợ Tổng hợp Khu vực Trung tâm Thành phố Miki

(Trung tâm phụ trách khu vực Yokawa)

☎ 0794-72-2222

3. Phúc lợi cho trẻ em (phần tiền dành cho trẻ em)

3-1. Trợ cấp trẻ em

Người đang nuôi dưỡng trẻ em từ 0 tuổi đến 18 tuổi có thể nhận được tiền hỗ trợ.

Khi trẻ được sinh ra hay chuyển nơi sinh sống hãy liên hệ phòng phúc lợi trẻ em tại tòa thị chính thành phố hoặc khoa sinh hoạt công dân văn phòng chi nhánh Yokawa để được hỗ trợ. Hãy tham khảo thêm Trợ cấp trẻ em (P24).

Tòa thị chính thành phố Miki phòng phúc lợi trẻ em ☎ 0794-82-2000

Chi nhánh Yokawa Phòng đời sống công dân ☎ 0794-72-0180

3-2. Trợ cấp trẻ phụ thuộc

Vì những lý do như ly hôn, phải một mình nuôi dạy trẻ đến năm 18 tuổi hay phải nuôi dạy trẻ khuyết tật đến khi trẻ được 20 tuổi. Có thể nhận được phần tiền trợ cấp.



Hãy đăng ký với Phòng phúc lợi trẻ em hoặc phòng đời sống công dân chi nhánh Yokawa tại tòa thị chính. Những gia đình có thu nhập nhiều hơn số tiền trợ cấp sẽ không được nhận tiền hỗ trợ này. Để biết thêm chi tiết hãy liên hệ phòng phúc lợi trẻ em tại tòa thị chính hoặc Chi nhánh Yokawa phòng đời sống công dân.

3-3. **Trợ cấp đặc biệt cho trẻ phụ thuộc**

Khi nuôi dưỡng trẻ khuyết tật có thể nhận được tiền hỗ trợ cho đến khi trẻ tròn 20 tuổi. Hãy đăng ký với Phòng phúc lợi trẻ em hoặc phòng đời sống công dân chi nhánh Yokawa tại tòa thị chính thành phố.

Những người có thu nhập nhiều hơn số tiền được hỗ trợ sẽ không được nhận tiền hỗ trợ này. Để biết thêm chi tiết hãy liên hệ Phòng phúc lợi trẻ em hoặc phòng đời sống công dân chi nhánh Yokawa.

3-4. **Phúc lợi dành cho trẻ khuyết tật**

Khi nuôi dưỡng trẻ bị khuyết tật tình trạng đặc biệt cần phải hỗ trợ trong việc tắm rửa, ăn uống trong sinh hoạt hằng ngày có thể nhận được tiền hỗ trợ cho đến khi trẻ tròn 20 tuổi. Hãy đăng ký tại khoa phúc lợi người khuyết tật tại tòa thị chính. Những người có thu nhập nhiều hơn số tiền được hỗ trợ sẽ không được nhận tiền hỗ trợ này.

Để biết thêm chi tiết xin liên hệ khoa phúc lợi người khuyết tật tại tòa thị chính hoặc Khoa phúc lợi y tế thuộc trung tâm phúc lợi sức khỏe Yokawa.

Tòa thị chính thành phố Miki	Khoa phúc lợi người khuyết tật	☎ 0794-82-2000
Chi nhánh Yokawa	Khoa phúc lợi và sức khỏe	☎ 0794-72-2210

4. **Phúc lợi dành cho người khuyết tật (dịch vụ cho người lớn và trẻ em khuyết tật)**

4-1. **Sổ tay**

Người khuyết tật có thể nhận "Sổ tay" tại Khoa phúc lợi người khuyết tật tòa thị chính. Khi muốn sử dụng dịch vụ bạn hãy dùng "Sổ tay" này. Có những trường hợp số tiền đóng thuế của bạn sẽ ít đi, hoặc khi ngồi xe bus, xe điện, taxi số tiền thanh toán sẽ rẻ hơn.

Tòa thị chính thành phố Miki	Khoa phúc lợi người khuyết tật	☎ 0794-82-2000
Chi nhánh Yokawa	Khoa phúc lợi và sức khỏe	☎ 0794-72-2210

4-2. **Tên quyền sổ tay sẽ nhận được**

Người khuyết tật trên cơ thể "Sổ tay dành cho người khuyết tật cơ thể"

Người khuyết tật trí năng (chậm phát triển) "Sổ tay phục hồi chức năng"

Người khuyết tật tâm thần, gặp khó khăn trong cuộc sống hằng ngày "Sổ tay phúc lợi sức khỏe cho người khuyết tật tâm thần"

4-3. **Dịch vụ hành chính dành cho người lớn và trẻ em khuyết tật**

Có rất nhiều dịch vụ để giúp người khuyết tật thuận lợi hơn trong việc sinh hoạt, học tập cũng như trong công việc, hỗ trợ từ việc ăn uống, tắm rửa đến rèn luyện cơ thể. Chi tiết xin liên hệ Tòa thị chính thành phố Miki Khoa phúc lợi người khuyết tật hoặc Chi nhánh Yokawa khoa phúc lợi và sức khỏe.

4-4. Trợ cấp đặc biệt cho người khuyết tật

Người trên 20 tuổi bị khuyết tật đặc biệt nghiêm trọng cần được trợ giúp trong việc ăn uống tắm rửa, có thể nhận được tiền hỗ trợ. Những khoản thu nhập cố định như lương nhiều hơn số tiền trợ cấp này thì sẽ không được nhận được tiền hỗ trợ này.

Chi tiết xin liên hệ Khoa phúc lợi người khuyết tật hoặc Chi nhánh Yokawa khoa phúc lợi và sức khỏe.

5. Hỗ trợ cộng đồng (khi không đủ tiền chi trả cho sinh hoạt hằng ngày)

Khi không có việc làm, không có tiền tiết kiệm, sinh hoạt hằng ngày trong gia đình cũng không đảm bảo, bạn có thể nhận được số tiền hỗ trợ cần thiết trong sinh hoạt. (người có tư cách vĩnh trú, vợ/chồng người Nhật, vợ/chồng người vĩnh trú, người định cư và không bị giới hạn hoạt động) chi tiết xin liên hệ Tòa thị chính thành phố Khoa Phúc Lợi.

Tòa thị chính thành phố Miki Khoa phúc lợi ☎ 0794-82-2000

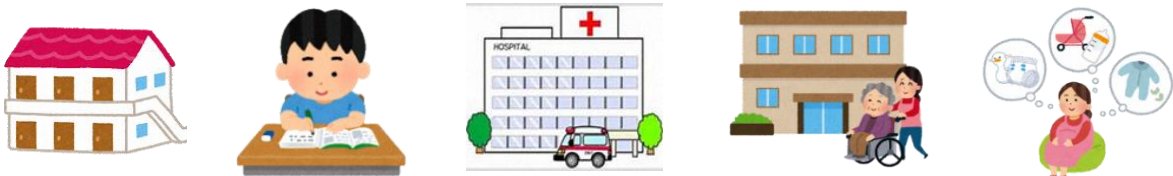


5-1. Đối tượng có thể nhận được sự hỗ trợ cộng đồng

- Những người không có tiền tiết kiệm cũng như thu nhập.
- Những người không có tiền tiết kiệm, chưa tìm được việc làm.

5-2. Những khoản hỗ trợ có thể nhận được

- Số tiền cần thiết cho sinh hoạt hằng ngày (Tiền ăn, mặc, điện, nước, gas v.vv..)
- Tiền thuê chung cư..v.v..
- Số tiền cần thiết cho con đi học bậc tiểu học và trung học.
- Khi bị bệnh hoặc bị thương, số tiền cần để chi trả viện phí.
- Người lớn tuổi cần tiền để sử dụng dịch vụ chăm sóc, điều dưỡng.
- Tiền cần thiết trong việc sinh con.



6. Chế độ hỗ trợ sinh hoạt độc lập cho đối tượng cần thiết (Tư vấn khi bạn gặp khó khăn trong cuộc sống)

Người đang gặp khó khăn trong công việc và tiền bạc, hãy đến để được tư vấn tại Tòa thị chính thành phố Khoa phúc lợi. Làm thế nào có thể yên tâm sinh sống, hãy cùng nhau suy nghĩ.

Tòa thị chính thành phố Miki Khoa phúc lợi ☎ 0794-82-2000

Chương 8 : Sinh con và nuôi con

1. Khi mang thai

1-1. Nhận sổ tay sức khỏe Mẹ và Bé

Khi biết mình có thai hãy thông báo việc mang thai của bạn đến phòng phúc lợi trẻ em (tại Trung tâm Trẻ em Thành phố Miki) hoặc khoa phúc lợi và Sức khỏe tại Chi nhánh Yokawa để được nhận “Sổ tay sức khỏe Mẹ và Bé”. (Có Tiếng Anh, Tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Tagalog, Tiếng Hàn Quốc, Tiếng Thái Lan, Tiếng Indonesia, Tiếng Việt Nam và Tiếng Nepal).



※ Khi đến bệnh viện hãy mang theo “Sổ tay sức khỏe Mẹ và Bé”. Trong sổ tay có ghi những điều quan trọng hay cần phải chú ý khi nuôi em bé. Cân nặng của bé hay tiêm chủng dự phòng (P25) sẽ được ghi trong sổ.

Phòng Phúc lợi Trẻ em (Tại Trung tâm Trẻ em Thành phố Miki) ☎ 0794-89-2340
Chi nhánh Yokawa khoa Phúc lợi và Sức khỏe ☎ 0794-72-2210

1-2. Khám sức khỏe sản phụ (chẩn đoán sức khỏe sản phụ)

Khi mang thai, hãy đến bệnh viện đăng ký “Khám sức khỏe sản phụ” để kiểm tra tình trạng sức khỏe. Có thể nhận được phiếu trợ cấp một phần tiền phí khám sức khỏe sản phụ tại phòng phúc lợi trẻ em (tại Trung tâm Trẻ em Thành phố Miki) hoặc khoa phúc lợi và Sức khỏe tại Chi nhánh Yokawa. Khi khám sức khỏe sản phụ hay khi sinh em bé tại bệnh viện bảo hiểm y tế sẽ không chi trả.

※ Số lần khám sức khỏe sản phụ.

Đến trước khi sinh em bé có thể khám sức khỏe sản phụ khoảng 14 lần.

- Từ khi mang thai đến tuần 23, 4 tuần khám 1 lần.
- Từ tuần 24 đến tuần 35, 2 tuần khám 1 lần.
- Từ tuần 36 đến trước khi sinh mỗi tuần khám 1 lần.



1-3. Khám răng miệng sản phụ (Kiểm tra răng miệng cho sản phụ)

Trong thời gian mang thai, thai phụ có thể tham gia khám răng miệng sản phụ miễn phí (0 yên) 1 lần. Miễn phí (0 yên) kiểm tra sức khỏe và vệ sinh răng miệng.

1-4. Tư vấn

Khi gặp phải vấn đề lo lắng hay khó khăn trong quá trình mang thai hoặc sau khi sinh, bạn có thể trao đổi với chuyên viên tư vấn sức khỏe hay hộ sinh. Hãy trao đổi với phòng phúc lợi trẻ em (tại Trung tâm Trẻ em Thành phố Miki) hoặc khoa phúc lợi và Sức khỏe tại Chi nhánh Yokawa.

Hãy cùng nhau suy nghĩ về cách nuôi dạy trẻ.

○ “Cơ quan Tamapiyo Saron”

Bạn có thể trao đổi những phiền não, bất an về việc mang thai, sinh con hay nuôi dạy trẻ. Bạn có thể kết bạn với những người sinh con khoảng thời gian giống bạn. Có thể trò chuyện trong nhóm sản phụ.



○ “Tham vấn chuyên gia phát triển trẻ sơ sinh”

Trao đổi về ngôn ngữ của trẻ, sự phát triển và hành động của trẻ.

1-5. Các buổi thăm hỏi của các y tá và nữ hộ sinh y tế

Chuyên viên tư vấn sức khỏe hay hộ sinh sẽ đến nhà bạn, họ sẽ nói cho bạn biết những điều quan trọng hoặc cần trao đổi. Miễn phí (0 yên).

○ Thăm sản phụ

Trao đổi liên quan đến việc mang thai hay những dịch vụ có thể sử dụng.

○ Thăm hỏi trẻ

Đến thăm hỏi những gia đình có trẻ từ 0 đến 4 tháng tuổi. Bạn có thể hỏi những vấn đề liên quan đến việc chăm sóc trẻ, cân nặng của trẻ, khám sức khỏe cho trẻ sơ sinh, tiêm phòng hoặc về dịch vụ hỗ trợ nuôi dạy trẻ.

2. Khi em bé được sinh ra đời

2-1. Giấy khai sinh

Khi một trẻ em được sinh ra tại Nhật Bản, khoa công dân của tòa thị chính thành phố hay khoa đời sống công dân của chi nhánh Yokawa sẽ cấp “Giấy khai sinh”. “Giấy khai sinh” sẽ được cấp trong khoảng 14 ngày kể từ ngày sinh. Hãy thông báo việc sinh con cho Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán.

Dù được sinh ra tại Nhật Bản, nhưng khi bố và mẹ của bé đều là người nước ngoài thì bé sẽ không thể mang quốc tịch Nhật Bản.

Tòa thị chính thành phố Miki Khoa công dân

☎ 0794-82-2000

Chi nhánh Yokawa Khoa đời sống công dân

☎ 0794-72-0180



2-2. Nhận thẻ cư trú cho trẻ sơ sinh

Trong trường hợp cha và mẹ của trẻ sơ sinh đều là người nước ngoài, hãy trình giấy tờ đến Cục quản lý xuất nhập cảnh Osaka, chi cục Kobe để nhận “Thẻ cư trú” cho trẻ.

Khi xuất trình “Giấy khai sinh” tại tòa thị chính thành phố, sẽ nhận được “Giấy chứng nhận khai sinh” và “Bản sao phiếu cư dân” hoặc “Giấy chứng nhận phiếu cư dân”

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày sinh, phải mang giấy tờ được nhận từ tòa thị chính Thành Phố đi làm thủ tục xin tư cách lưu trú cho trẻ.

2-3. Tiền được nhận từ bảo hiểm

Mỗi một trẻ em được sinh ra sẽ được nhận 500.000 yên “Tiền hỗ trợ sinh và chăm sóc trẻ” được trích xuất từ bảo hiểm sức khỏe.

Nếu nghỉ việc vì lý do sinh con sẽ được nhận “Trợ cấp thai sản” từ “Bảo hiểm sức khỏe”. Nếu nghỉ việc vì lý do nuôi dạy trẻ sẽ được nhận “Trợ cấp nghỉ chăm sóc trẻ” từ “Bảo hiểm việc làm”.



2-4. Kiểm tra sức khỏe sản phụ

Sau 2 tuần, 1 tháng hoặc thời gian ngắn sau sinh, bạn hãy đến bệnh viện để đăng ký “Kiểm tra sức khỏe sản phụ”. Phiếu hỗ trợ (trợ cấp) một phần chi phí khám sức khỏe có thể nhận tại phòng phúc lợi trẻ em (tại Trung tâm Trẻ em Thành phố Miki) hoặc khoa phúc lợi và Sức khỏe tại Chi nhánh Yokawa.

Phòng Phúc lợi Trẻ em (Tại Trung tâm Trẻ em Thành phố Miki)

☎ 0794-89-2340

Chi nhánh Yokawa khoa Phúc lợi và Sức khỏe

☎ 0794-72-2210

3. Trợ cấp trẻ em

Người nuôi dạy trẻ em ở Nhật có thể nhận được tiền trợ cấp khi trẻ từ 0 tuổi đến 18 tuổi. Khi bạn sinh con hoặc chuyển nhà hãy đăng ký với phòng phúc lợi trẻ em của Tòa thị chính Thành Phố hoặc khoa đời sống công dân của chi nhánh Yokawa.

Tuổi của trẻ	Tiền nhận trong 1 tháng	
Từ 0 đến 2 tuổi	15,000 yên	Từ đưa con thứ 3 trở đi 30,000 yên.
Từ 3 tuổi đến 18 tuổi (đến hết năm 3 bậc phổ thông trung học)	10,000 yên	

Tòa thị chính thành phố Miki Phòng Phúc lợi Trẻ em ☎ 0794-82-2000

Chi nhánh Yokawa Khoa đời sống công dân ☎ 0794-72-0180



4. Nuôi dạy con cái

4-1. Khám sức khỏe trẻ 1 tháng tuổi

Khi em bé được 1 tháng tuổi, hãy đưa bé đến bệnh viện để khám sức khỏe trẻ 1 tháng tuổi. Bác sĩ sẽ kiểm tra sự phát triển cơ thể và tình trạng sức khỏe chung của bé. Phiếu hỗ trợ (trợ cấp) một phần chi phí khám sức khỏe và phiếu khai thông tin sức khỏe có thể nhận tại phòng phúc lợi trẻ em (tại Trung tâm Trẻ em Thành phố Miki) hoặc khoa phúc lợi và Sức khỏe tại Chi nhánh Yokawa.

Phòng Phúc lợi Trẻ em (Tại Trung tâm Trẻ em Thành phố Miki)

☎ 0794-89-2340

Chi nhánh Yokawa khoa Phúc lợi và Sức khỏe

☎ 0794-72-2210

4-2. khám sức khỏe trẻ sơ sinh

Tòa thị chính thành phố tổ chức khám sức khỏe trẻ sơ sinh hoàn toàn miễn phí (0 yên). Buổi khám sẽ kiểm tra chiều cao, cân nặng và tình trạng sức khỏe chung của trẻ. Bạn cũng có thể trao đổi, hỏi ý kiến về những điều khiến bạn lo lắng hay chưa rõ. Hãy đưa trẻ đi khám sức khỏe khi trẻ được 4 tháng tuổi, 1 tuổi 6 tháng, 3 tuổi, và 5 tuổi.

4-3. Tiêm chủng dự phòng (tiêm chủng để phòng tránh bệnh)

Hãy đăng ký tiêm chủng dự phòng để trẻ không bị mắc bệnh. Bạn có thể đăng ký tiêm chủng dự phòng BCG, Vaccin 5 trong 1, viêm não Nhật Bản cho trẻ. Những người đã nộp giấy khai sinh sẽ nhận được phiếu kiểm tra sơ bộ (phiếu điều tra tiền sử bệnh trước khi tiêm chủng dự phòng). Đối với người mới chuyển đến, hãy mang sổ tay sức khỏe mẹ và bé đến Khoa nâng cao sức khỏe (Trung tâm y tế và phúc lợi tổng hợp Thành phố Miki) hoặc Khoa phúc lợi và sức khỏe tại chi nhánh Yokawa để biết thêm thông tin.

Trường hợp tiêm chủng dự phòng chưa kết thúc sẽ nhận được phiếu kiểm tra sơ bộ (phiếu điều tra tiền sử bệnh trước khi tiêm chủng dự phòng).

Phòng Tăng cường Sức khỏe

(Tại Trung tâm Tổng hợp Y tế và Phúc lợi Thành phố Miki) ☎ 0794-86-0900



4-4. Trợ cấp y tế trẻ em (hỗ trợ chi phí y tế cho trẻ em)

Trẻ từ 0 tuổi đến năm 18 tuổi, sẽ được Thành phố chi trả toàn bộ số tiền tham gia khám bệnh tại cơ sở y tế (trong phạm vi của bảo hiểm).

Tòa thị chính thành phố Miki Phòng bảo hiểm và hưu trí ☎ 0794-82-2000

4-5. trẻ em trước khi bước vào bậc tiểu học

Những trẻ dưới 6 tuổi trước khi vào bậc tiểu học có thể gửi trẻ tại nhà trẻ, mẫu giáo, trường mầm non có giấy chứng nhận. Tiền phí gửi trẻ tại nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non có giấy chứng nhận sẽ được miễn phí (0 yên) cho những trẻ từ 3 tuổi (tròn 3 tuổi tính từ ngày 1 tháng 4 trở đi) đến 5 tuổi.

- ☐ Tư vấn tuyển sinh của Nhà trẻ cho trẻ dưới 3 tuổi, trường mầm non có giấy chứng nhận (đối tượng là trẻ từ 0 tuổi đến trước khi vào tiểu học).
- ☐ Tư vấn tuyển sinh của trường mầm non (đối tượng từ 4 đến 5 tuổi).



Hội đồng giáo dục thành phố Miki Khoa giáo dục và chăm sóc trẻ ☎ 0794-82-2000

4-6. Thời gian sau giờ học chính

Trẻ có phụ huynh đi làm, có thể sử dụng “Thời gian sau giờ học chính” khi kết thúc giờ học chính. Có người trông trẻ để trẻ có thể vừa chơi đùa một cách an toàn vừa có thể làm bài tập.

- ☐ Tư vấn Thời gian sau giờ học chính

Ủy ban Giáo dục Thành phố Miki Phòng Giáo dục và Chăm sóc Trẻ em ☎ 0794-82-2000

Chương 9 : Giáo dục

1. Trường học Nhật Bản (sau bậc tiểu học)

Chế độ giáo dục tại Nhật Bản bao gồm tiểu học 6 năm, trung học cơ sở 3 năm, trung học phổ thông 3 năm, đại học 4 năm. Bậc tiểu học và trung học là **phổ cập giáo dục bắt buộc**. Trước khi vào tiểu học trẻ phải học tại các trường mầm non.

1-1. Trường Tiểu học và trường trung học

Đối với những phụ huynh người Nhật có con từ 6 tuổi đến 15 tuổi phải cho con tới trường học. Từ 6 tuổi là Tiểu học, từ 12 tuổi đến 15 tuổi là Trung học.

Đối với người nước ngoài, khi muốn cho con vào trường Tiểu học hay Trung học phải đăng ký với Tòa thị chính Thành phố.

Tại các trường công lập ở thành phố Miki, phí nhập học, học phí và tiền sách giáo khoa được miễn phí (0 yên). Phí ăn trưa tại trường, phí tài liệu học tập,... sẽ do phụ huynh tự chi trả.



Có những trường học riêng biệt dành cho trẻ khuyết tật.

1-2. Trường trung học phổ thông

Khi đã tốt nghiệp trung học cơ sở sẽ tham gia vào kì thi nhập học, nếu đỗ có thể nhập học. Ở Nhật còn có các "**Trường trung học phổ thông bán thời gian**" học vào ban đêm, và các trường trung học tương ứng học bằng Internet.

1-3. Trường đại học. Đại học ngắn hạn. Trường chuyên ngành

Đối với những bạn đã tốt nghiệp Trung học phổ thông, có thể tham gia kỳ thi tuyển sinh đại học hay trường nghề. Nếu đỗ bạn có thể nhập học.

Trong các **trường quốc tế** (International School) cho người nước ngoài tại Nhật Bản, có một số trường được chỉ định mà sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể đăng ký dự thi và nhập học tại hệ thống đại học Nhật Bản.

1-4. Trường học ban đêm

Có các trường trung học cơ sở học vào buổi tối (trung học cơ sở ban đêm) với các lớp học từ chiều tối đến tối. Những người không thể tốt nghiệp trung học cơ sở do bệnh tật hoặc vì nhiều lý do khác, hoặc không thể đi học đầy đủ, đều có thể theo học.

Người nước ngoài chưa tốt nghiệp trung học cơ sở cũng có thể theo học. Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể tham gia kỳ thi để vào học cấp trung học phổ thông.

2. Tiền trợ cấp giáo dục

2-1. Hỗ trợ việc học tập

Những bạn học sinh Trung học, Tiểu học mà gia đình có thu nhập thấp có thể được nhận tiền trợ cấp như tiền ăn hay vật dụng cần thiết cho việc học tập ở trường (đồng phục, cặp sách, dụng cụ học tập, vv...).

Bạn có thể liên hệ với Khoa giáo dục của Hội đồng Giáo dục để biết được quyền lợi mà bạn có thể được nhận.

Hội đồng giáo dục thành phố Miki Khoa giáo dục trường học ☎ 0794-82-2000

2-2. Học bổng từ Hội đồng Giáo dục Thành phố Miki

Học sinh Trung học phổ thông hay sinh viên Đại học sống tại Thành phố Miki mà gia đình có thu nhập thấp sẽ có thể nhận được khoản hỗ trợ chi phí cần thiết để đi học.



Bạn có thể liên hệ với Khoa giáo dục của Hội đồng Giáo dục để biết được quyền lợi mà bạn có thể được nhận.

Hội đồng giáo dục thành phố Miki Khoa giáo dục tổng hợp ☎ 0794-82-2000

2-3. Quỹ hỗ trợ bậc trung học phổ thông

Đối với học sinh trường trung học phổ thông hệ công lập, tiền học phí sẽ là miễn phí (0 yên). Đối với học sinh cha mẹ có thu nhập cao thì không được miễn phí (0 yên). Học sinh học trường trung học phổ thông hệ dân lập cũng có thể được giảm học phí. Học sinh có cha mẹ có thu nhập cao sẽ không được giảm.

Việc giảm được bao nhiêu tiền sẽ tùy thuộc vào thu nhập của phụ huynh. Đăng ký tiền trợ cấp tại trường đang theo học.



2-4. Học bổng dành cho bậc trung học phổ thông



Học sinh trung học phổ thông có cha mẹ thu nhập thấp có thể nhận được khoản hỗ trợ để mua sách giáo khoa và các vật dụng học tập. Việc đăng ký được thực hiện tại trường đang theo học.



2-5. Học bổng dành cho các trường đại học

Có học bổng của nhiều đoàn thể như: quốc gia, tỉnh, công ty. Hãy trao đổi với những đoàn thể bạn có thể nhận được học bổng.

Học bổng của quốc gia có 2 loại.

Loại trợ cấp : Về sau không cần trả lại cũng được

Loại cho vay : Sau khi tốt nghiệp sẽ trả từng phần



Người nước ngoài, người có vĩnh trú Nhật Bản hay gia đình người Nhật đều có thể nhận được tiền học bổng của Nhật Bản. Cũng có loại học bổng du học sinh có thể được nhận.

Chương 10 : Các quy tắc và tập quán trong sinh hoạt hàng ngày

1. Quy tắc trong sinh hoạt

1-1. Các quy tắc cơ bản trong việc đổ rác

Trung tâm vệ sinh thành phố Miki sẽ thu gom rác thải của gia đình bạn.

Khi không hiểu hãy liên lạc đến Bộ môi trường (Trung tâm vệ sinh Thành phố Miki)

Khoa môi trường (Trung tâm vệ sinh Thành phố Miki)

☎ 0794-83-2608



- (1) Tại cửa hàng bạn có thể mua được những túi đựng rác mà Thành phố Miki quy định như: rác cháy được và nhựa tái nguyên (rác có thể tái chế). Trên bao bì có ghi rác cháy được và nhựa tái nguyên. Bạn có thể cho rác vào những túi rác trên và vứt chúng. Rác thô vào những rác cần phải chôn lấp hãy cho chúng vào túi trong suốt.

- (2) Hãy tuân thủ thời gian đổ rác, nơi đổ rác và phân loại rác theo đúng quy định (trước 8h sáng của ngày thu rác).

※ Trường hợp vứt loại rác nằm ngoài quy định và vứt rác không đúng nơi quy định sẽ không được thu gom.



- (3) Phương pháp phân loại rác hãy xem trên ứng dụng phân loại rác hay tờ thông báo có Tiếng Nhật, Tiếng Hàn Quốc, Tiếng Anh, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Ả Rập. Ứng dụng phân loại rác có thể tải về trên điện thoại thông minh bằng mã QR.

Android



Iphone



- (4) Dầu ăn đã qua sử dụng
Dầu ăn đã qua sử dụng không được vứt trực tiếp vào bồn rửa bát. Hãy dùng giấy báo để thấm hút phần dầu ăn đã qua sử dụng. Sau đó hãy vứt phần giấy báo đó vào rác cháy được.
- (5) Vứt rác bừa bãi, xả thải trái phép
Vứt rác bừa bãi, xả thải trái phép là hành động phạm tội. Hãy vứt rác đúng nơi quy định. Không được vứt trên đường hay trên núi.

1-2. Tiếng ồn (âm thanh ồn, lớn tiếng)

Không được nói to hay gây ra tiếng động lớn, đặc biệt ở chung cư hay căn hộ cao cấp. Hãy cố gắng không gây ảnh hưởng đến những người sống xung quanh. Đặc biệt hãy chú ý khung giờ từ 10h tối đến 6h sáng.

- ✗ Không được nói to.
- ✗ Không được mở âm lượng to khi nghe nhạc hay xem phim.
- ✗ Không được chạy trong nhà.
- ✗ Khi mở tiệc không được hát, nhảy hay gây tiếng ồn lớn.
- ✗ Sáng sớm và tối muộn không được sử dụng những vật dụng gây ra tiếng động lớn như: máy giặt, máy hút bụi.
- ✗ Không được đánh rơi đồ từ trên tầng của tòa nhà chung cư hay căn hộ, nếu va phải người bên dưới sẽ rất nguy hiểm.



1-3. Cách sử dụng phần không gian chung chung cư, nhà chung cư

Hành lang hay cầu thang là những khu vực công cộng (nơi mọi người đều có thể sử dụng). Khi xảy ra động đất hay hỏa hoạn hãy sử dụng lối thoát hiểm để đến khu vực an toàn (không được để đồ vào lối thoát hiểm).



1-4. Bồn cầu nhà vệ sinh tại Nhật Bản

Hãy sử dụng giấy vệ sinh có sẵn trong nhà vệ sinh.

Giấy vệ sinh sau khi đã sử dụng không được vứt vào thùng rác, hãy xả theo nước bồn cầu.

- ✗ Nhà vệ sinh ở ga hay Trung tâm thương mại có rất nhiều nút, bạn chỉ cần nhấn nút xả nước được ghi là: “FLUSH”.

1-5. Việc sử dụng điện thoại di động (Smart phone)

Không được vừa đi vừa sử dụng điện thoại. Khi va vào người khác có thể họ sẽ bị thương hoặc bạn có thể bị thương.

Theo pháp luật khi đang điều khiển phương tiện giao thông thì không được sử dụng điện thoại.



1-6. Khi sử dụng tàu điện, xe bus

Trong tàu điện và xe bus hãy chú ý những mục sau đây :

- ✗ Việc nói to là vi phạm quy tắc ứng xử.
- ✗ Việc nói chuyện điện thoại ở Nhật là vi phạm quy tắc ứng xử.
- ✗ Việc nghe nhạc bằng âm lượng lớn là việc làm gây ảnh hưởng tới người khác. Hãy chú ý không để âm thanh từ tai nghe rò rỉ ra ngoài.
- ✗ Khi trong tàu xe quá đông người, việc đeo balô trên lưng sẽ gây ảnh hưởng nếu va phải người khác.

1-7. Giữ lời hứa và tuân thủ thời gian

Xã hội Nhật Bản rất đúng giờ, giống như việc tàu điện sẽ đến đúng theo bảng giờ tàu chạy. Ở trường học hay nơi làm việc khi trễ giờ sẽ bị mất đi sự tín nhiệm.

Nếu bạn bắt buộc phải đến muộn, nhất định phải liên lạc trước. Nếu đi trễ hoặc nghỉ mà không báo trước (nghỉ không phép), có thể gây rắc rối với công ty.

2. Những điều cần thiết trong cuộc sống

2-1. Mối quan hệ với hàng xóm (Hội tự quản)

Ở Nhật có Hội tự quản (Hội cùng nhau suy nghĩ về việc của khu vực). Thành viên Hội tự quản sẽ nhận được thông báo truyền tay (giấy thông báo những điều cần thiết trong cuộc sống) rồi sau đó từ nhà nhận thông báo đầu tiên sẽ chuyển tiếp thông báo đó đến những nhà tiếp theo. Có những sự kiện như tập huấn tị nạn (huấn luyện đến những nơi an toàn khi có hỏa hoạn hay huấn luyện dập lửa) hay lễ hội,... Hội tự quản có hội phí (tiền của những người sống trong khu vực đó) nhằm mục đích xây dựng một khu vực an toàn và dễ sinh sống. Bạn có thể có một mối quan hệ tốt đẹp với những người sống xung quanh. Bạn cũng có thể trao đổi những điều cần phải chú ý đối với thành viên trong khu vực. Bạn hãy tham gia vào Hội đồng khu lân cận nhé! Bạn có thể hỏi những người sống xung quanh.

2-2. Phòng chống tội phạm (tránh bị hại bởi các hành vi trộm cắp hay quấy rối tình dục)

Trước khi ra khỏi nhà hãy chốt cửa sổ và khóa cửa chính.

Khi đỗ xe ô tô, xe gắn máy hay xe đạp thì nhất định phải khóa xe.

Không để ví hay túi xách ở những nơi bản thân mình không nhìn thấy.

Buổi tối hãy đi ở những nơi sáng, tránh những nơi đường tối hay không có người qua lại.

Khi bạn có vấn đề lo lắng hay không hiểu về phòng chống tội phạm hãy trao đổi với cảnh sát khu vực.



2-3. Tài khoản ngân hàng (cho phép gửi và rút tiền thông qua ngân hàng)

(1) Khi mở tài khoản ngân hàng hãy mang theo những giấy tờ sau.

- Thẻ ngoại kiều.
- Con dấu hay chữ ký (sẽ có những ngân hàng cho phép cả hai).
- Thẻ nhân viên công ty hoặc thẻ học sinh (thẻ có tên hoặc ảnh được nhận từ công ty hay trường học).

(2) Trước khi về nước phải hủy hợp đồng (chấm dứt tài khoản) tại ngân hàng đối với những thẻ ngân hàng không sử dụng nữa. Không được bán thẻ ngân hàng, thẻ tín dụng hay sổ ngân hàng của mình cho người khác. Việc bán cho người khác là vi phạm pháp luật.

3. Khi ngồi tàu điện, xe bus

3-1. Thẻ IC

Thẻ IC của hệ thống giao thông có thể sử dụng để thanh toán tiền phí xe bus hay tàu điện của nhiều đơn vị khác nhau. Việc thanh toán bằng thẻ sẽ rẻ hơn thanh toán bằng tiền mặt. Bạn có thể mua vé tại nhà ga hoặc máy bán vé tự động trong nhà ga (máy để mua vé tàu).



3-2. Khi ngồi tàu điện

(1) Thứ tự cơ bản khi sử dụng tàu điện

- Xác định điểm đến trên bảng lộ trình.
- Mua vé cho “Điểm đến” tại ga, sau đó đi qua cửa soát vé (trường hợp sử dụng thẻ IC của hệ thống giao thông thì bạn hãy chạm thẻ vào máy soát vé tự động rồi đi qua).
- Hãy đi đến khu vực đợi tàu của “Điểm đến” nơi bạn muốn đến theo bảng thông báo thông tin ở ga.
- Hãy đứng đợi tàu bên trong khu vực có vạch kẻ màu trắng hoặc màu vàng.
- Khi đã đến “Điểm đến” hãy sử dụng vé tàu để đi qua cửa soát vé. Trường hợp sử dụng thẻ IC: việc sử dụng thẻ chạm vào máy soát vé tự động có thể thanh toán được tiền phí tàu xe từ số tiền trong thẻ của bạn.

(2) Khi không hiểu cách đi tàu hay ga muốn đến hãy hỏi nhân viên nhà ga.

• Sumimasen ○○○ Ni ikitainodesu ga, Kono densha wa ikimasu ka?

• Douyate ittara iidesu ka?

• Nan bansen desu ka?



Các loại vé

Vé đi tàu thông thường : vé cần thiết khi lên tàu.

Vé định kỳ : rất tiện lợi đối với những người hàng ngày cùng đi đến một địa điểm như trường học hay công ty. Hãy chọn khoảng thời gian phù hợp: 1 tháng, 3 tháng hay 6 tháng.

Vé giảm giá : bạn có thể mua 11 tấm vé bằng số tiền của 10 tấm vé.

Vé tàu nhanh : cần thiết khi bạn đi tàu nhanh hoặc tàu shikansen.

Vé chỉ định : cần thiết khi sử dụng ghế chỉ định (ghế ngồi đã được quy định).

Thẻ xanh : cần thiết khi lên toa hạng sang (ghế giá cao).



3-3. Khi ngồi xe bus (Tuyến xe bus)

- (1) Trường hợp bạn đi tuyến bus có giá vé chung

Hãy cho tiền vào hộp đựng vé khi lên hoặc là khi xuống xe bus.

※ Trường hợp trả bằng thẻ IC: Khi lên và xuống xe bus hãy chạm thẻ IC vào máy quét.

- (2) Trường hợp tiền phí thay đổi theo khoảng cách

Khi lên xe bus hãy lấy vé đánh số có ghi số thứ tự.

Khi xuống xe hãy nhìn số được ghi trên vé, sau đó kiểm tra số ở bảng được gắn ở trên đầu xe, rồi thanh toán theo số tiền được ghi dưới số thứ tự.

※ Trường hợp trả bằng thẻ IC: hãy chạm thẻ IC vào máy quét khi lên và xuống xe bus.

- (3) Vé xe bus và vé thẻ IC của xe bus rất tiện lợi (thẻ Nikopa)

Thẻ Nipoka là vé thẻ IC có thể sử dụng đối với Shinki bus và khu Shinki bus. Không thể sử dụng cho tàu điện.

Ở thành phố Miki, khi sử dụng thẻ Nikopa tất cả giá vé xe bus trong thành phố là 200 yên (trẻ con là 100 yên). Dù đi đến Trung tâm trị liệu tổng hợp Kitaharima thì giá vé đều như nhau.

- Nạp tiền vào tài khoản

Bạn có thể nạp tiền (charge) vào thẻ IC trên xe buýt hoặc tại quầy dịch vụ của hãng xe buýt Shinki.

Có hai loại giá vé, vé tiết kiệm (khi xuống xe trong khoảng thời gian từ 9:30 đến 16:00) và vé thông thường

Vé thông thường : trường hợp nạp 1000 yên có thể sử dụng 1100 yên.

Vé chuyên dụng : trường hợp nạp 1000 yên có thể sử dụng 1250 yên.

- Phương pháp phát hành thẻ

Thẻ IC có thể được cấp tại quầy dịch vụ của hãng xe buýt Shinki. Ngoài ra, cũng có thể cấp thẻ tại Văn phòng điều hành Miki của Công ty Cổ phần Xe buýt Shinki.

Văn phòng điều hành Miki – Công ty Cổ phần Xe buýt Shinki ☎ 0794-82-3126

Giờ làm việc: Từ thứ 3 đến thứ 7. 9:30～13:00 / 14:00～18:00

Nghỉ vào Chủ Nhật và Thứ Hai

- Cách sử dụng thẻ Nikopa

Khi lên xe bus : khi lên xe bus hãy chạm thẻ Nikopa vào máy đọc trong xe (chạm đến khi có tiếng kêu bíp). Không lấy vé thứ tự.

Khi xuống xe bus : khi xuống xe bus nếu bạn chạm thẻ Nikopa vào máy đọc thì chi phí đi lại sẽ được trừ vào số tiền trong thẻ của bạn. Bạn có thể nhìn thấy số dư tài khoản khi chạm thẻ vào máy đọc.

Chương 11 : Giao thông

1. Quy tắc giao thông

Đường bộ là nơi có nhiều người và xe qua lại. Hãy tuân thủ luật giao thông.

1-1. Khi đi bộ

(1) Cách đi bộ trên đường

Ở nơi không có vỉa hè (đường dành cho người đi bộ) thì đi về phía bên phải của đường.

Khi có vỉa hè (đường dành cho người đi bộ) thì đi trên vỉa hè.



(2) Cách sang đường (băng qua đường).

Khi sang đường thì phải sang ở những nơi có đèn giao thông hay những nơi có vạch qua đường dành cho người đi bộ hoặc cầu dành cho người đi bộ.

(3) Ý nghĩa màu sắc của đèn tín hiệu

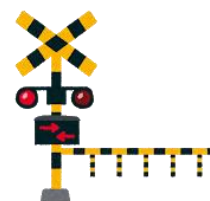
- Màu xanh : có thể tiếp tục lưu thông
- Đèn màu xanh và màu vàng nhấp nháy liên tục : ô tô phải dừng lại/ người đi bộ không được qua đường.
- Màu đỏ : dừng lại
- Nút nhấn xin đường : ấn nút, sau đó khi nhìn thấy đèn chuyển màu xanh thì băng qua tại vạch qua đường.



(4) Cách lưu thông qua thanh chắn tàu

Dừng lại phía trước thanh chắn tàu, kiểm tra an toàn phía bên trái và phải.

Đối với thanh chắn tàu: khi có chuông báo hoặc thanh chắn bắt đầu hạ xuống thì không được băng qua.

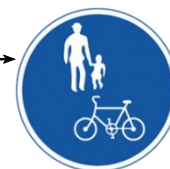


(5) Khi đi bộ vào buổi tối

Khi đi bộ ngoài đường vào buổi tối nên mặc những đồ sáng màu như màu trắng hoặc màu vàng.

Hãy gắn những đồ phát sáng khi đèn ô tô chiếu vào như: giày, quần áo hay túi xách phản quang, để người điều khiển ô tô dễ dàng nhìn thấy.

(Đường dành cho người đi bộ và xe đạp) →



1-2. Khi đi xe đạp

(1) Luật giao thông cho xe đạp

Về luật pháp xe đạp giống với “Xe hơi”

Xe đạp sẽ lưu thông trên đường của xe ô tô (phía bên trái của đường xe ô tô lưu thông). Đi chậm ở nơi gần với đường mà xe ô tô lưu thông.

Hãy xuống xe đạp hoặc dừng lại để không cản đường người đi bộ. Buổi tối phải bật đèn.

Từ tháng 4 năm 2026, quy định về xe đạp sẽ thay đổi.

Nếu vi phạm luật giao thông, bạn sẽ phải nộp tiền phạt vi phạm (gọi là tiền xử phạt hành chính).

- ✗ Sau khi uống rượu thì không được lái xe.
- ✗ Không được đi 2 người trên một chiếc xe đạp.
- ✗ Không được đi dàn hàng ngang.
- ✗ Không được cầm ô hay sử dụng điện thoại khi đang lái xe.
- ✗ Không được đeo tai nghe khi đang điều khiển xe đạp



- (2) Khi đi xe đạp, cần đội mũ bảo hiểm.

Khi chở trẻ em trên xe đạp của người lớn hoặc khi trẻ em tự lái xe đạp, cũng cần phải đội mũ bảo hiểm.

- (3) Những luật khác

Hãy để xe đạp ở bãi đỗ xe dành cho xe đạp.

2. Bảo hiểm xe đạp

Hãy mua “Bảo hiểm xe đạp” vì sẽ có những lúc có thể xảy ra sự cố hay hỏng hóc. Những trường hợp như khi chúng ta làm người khác bị thương thì công ty bảo hiểm sẽ chi trả chi phí đó.

3. Khi xảy ra sự cố giao thông

- (1) Trước hết hãy dừng lại ở những nơi an toàn dành cho xe đạp và ô tô



- (2) Sau đó hãy gọi xe cấp cứu hay cảnh sát

Trường hợp có người bị thương hãy gọi 119, rồi sau đó gọi xe cấp cứu.

Trường hợp có hay không có người bị thương hãy gọi 110, sau đó chờ người của cảnh sát đến. Cách gọi điện thoại hãy xem (P35).

- (3) Đi bệnh viện

Khi xảy ra sự cố, dù bạn nghĩ là không sao nhưng thực tế có thể bị thương. Hãy đến bệnh viện.

- (4) Nhận giấy tờ “Giấy xác nhận tai nạn giao thông”

Giấy tờ này rất cần thiết khi bạn muốn nhận tiền bảo hiểm xe đạp hay bảo hiểm ô tô. Khi làm thủ tục xin nhận tiền hãy liên hệ với **sở cảnh sát** nơi bạn đã khai báo sự cố.

Sở cảnh sát Miki tỉnh Hyogo ☎ 0794-82-0110



Chương 12 : Khẩn cấp (bất ngờ xảy ra bệnh tật, tai nạn). Thiên tai (động đất, sóng thần)

1. Tình trạng khẩn cấp (bệnh tật, tai nạn) xảy ra, số điện thoại liên hệ

1-1. Hãy gọi 119 khi xảy ra thương tật hoặc hỏa hoạn đột ngột

Khi không biết tiếng Nhật cũng có thể cùng trao đổi với người phiên dịch



(1) Khi gặp phải bệnh hoặc bị thương đột ngột

- ① Khi gọi điện thoại số 119, tổng đài sẽ hỏi bạn “Kaji desu ka?” hay “Kyuukyuu desu ka?”. Hãy nói “Kyuukyuu desu”.
- ② Yêu cầu xe cấp cứu (xe chở người ốm đau đột ngột hoặc người bị thương đến bệnh viện) đến đón tại địa điểm hoặc nơi nào đó. Gọi xe cấp cứu là miễn phí (0 yên).
- ③ Hãy cung cấp thông tin, chiều chứng thương tật và tuổi của bạn.
- ④ Hãy cung cấp họ tên, phương thức liên lạc (số điện thoại).



Có thể xác nhận việc gọi xe cứu thương trên trang web dưới đây.

<https://www.fdma.go.jp/publication/portal/post1.html>

(2) Khi xảy ra hỏa hoạn

- ① Khi gọi điện thoại số 119, tổng đài sẽ hỏi bạn “Kaji desu ka?” hay “Kyuukyuu desu ka?”. Hãy nói “Kaji desu”.
- ② Cung cấp thông tin địa điểm xảy ra hỏa hoạn.
- ③ Cung cấp thông tin về cái gì đó đang cháy.
- ④ Hãy cung cấp thông tin người chưa kịp lánh nạn, người bị thương.
- ⑤ Hãy cung cấp họ tên, phương thức liên lạc (số điện thoại).



1-2. Hãy gọi 110 trong trường hợp có tai nạn hoặc sự cố

Khi gặp sự cố giao thông hoặc trộm cắp và muốn cảnh sát đến ngay lập tức, hãy gọi số tổng đài 110.

Nếu bạn không thể tự mình gọi điện, hãy nhờ ai đó ở gần giúp bạn. Hãy yêu cầu “Tasukete kudasai”, “Denwa wo kaketekudasai”.

Khi bạn gọi đến tổng đài 110, tổng đài sẽ hỏi bạn một vài câu, bạn hãy giữ bình tĩnh và trả lời thật chính xác nhé.

Trong trường hợp xảy ra tai nạn, gọi nó là “Jiko desu”. Trong trường hợp xảy ra trộm cắp, gọi nó là “Jiken desu”.

- ① Hãy cung cấp thông tin sự cố gì đã xảy ra, khi nào và ở đâu.
- ② Hãy cung cấp họ tên, phương thức liên lạc (số điện thoại).

- ③ Trong sự cố đó hãy cung cấp thông tin đối tượng hay người gây tai nạn. Thông tin về giới tính (nam hay nữ), có bao nhiêu người, tuổi tác (khoảng bao nhiêu), phục trang thế nào.
- ④ Nếu có người bị thương, hãy trình báo tình trạng người đó về giới tính, độ tuổi, tình trạng thương tật.



2. Thiên tai (động đất, sóng thần)

2-1. Chuẩn bị để được an toàn

- (1) Chuẩn bị thức ăn, nước, pin, và đèn di động dùng trong khoảng 3 ngày đến 1 tuần.
- (2) Chuẩn bị túi (túi khẩn cấp) chứa những vật dụng để mang theo khi chạy lánh nạn.
- (3) Kiểm tra "Bản đồ thông báo nguy hiểm" để xem nơi nguy hiểm ở đâu và nơi để có thể thoát hiểm.
 - ※ Bản đồ thông báo nguy hiểm là bản đồ thể hiện nơi nguy hiểm, nơi xảy ra thiên tai. Bản đồ cũng thể hiện nơi có thể sơ tán.
 - ※ Địa điểm sơ tán là nơi được xây dựng để có thể sơ tán tạm thời, bảo vệ bản thân khỏi thảm họa.

<https://www.city.miki.lg.jp/soshiki/3/8213.html>



- (4) Tham gia "Huấn luyện phòng chống thiên tai, sơ tán" tại khu vực bạn sinh sống. Thực hành kỹ năng thoát hiểm và kỹ năng dập tắt được đám cháy. Nghiên cứu về điều kiện an toàn và trường hợp nguy hiểm.
- (5) Hãy nói chuyện với hàng xóm gần nhà, nhờ họ chỉ cho bạn cách ứng phó khi xảy ra động đất "Moshi, jishin nado ga atta tokini, iro iro oshiete kudasai"
 - "Chào mừng đến với Thành phố "Miki", một thành phố của sự an toàn và an tâm"
Đây là thông tin từ rơi liên quan đến "phòng chống thiên tai" bảo vệ bạn khỏi thiên tai. Xin hãy tham khảo trang web chính. (bằng tiếng Anh, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Trung Quốc, tiếng Hàn Quốc).

<https://www.city.miki.lg.jp/soshiki/14/26155.html>



- " Sổ tay phòng chống thiên tai dành cho trẻ em và phụ huynh"
Đây là bản tóm tắt các việc cần chuẩn bị khi phải sơ tán, bao gồm 07 trường hợp xảy ra thiên tai (động đất, sóng thần, bão, mưa lớn/lũ lụt, thảm họa lở đất, sấm sét, vòi rồng).

<https://www.hyogo-ip.or.jp/torikumi/tabunkakyose/guidemap.html>



2-2. Tìm hiểu thông tin

- (1) Mạng lưới phòng chống thiên tai Tỉnh Hyogo, Hyogo E-net (Hyogo Emergency Net). Thông tin khẩn cấp (thông tin động đất, thông tin sóng thần, thông tin thời tiết), hệ thống gửi thông tin sẽ cung cấp thông tin sơ tán v.v..
Những người đăng ký, các thông tin khẩn cấp, thông tin động đất, sóng thần, thông tin thời tiết sẽ được gửi qua e-mail từ tỉnh Hyogo, thành phố Miki.

<https://bosai.net/>



- (2) “Safety tips”

Đây là một ứng dụng trên thiết bị điện thoại thông minh hiển thị thông tin về động đất và mưa lớn.



- Android:

<https://play.google.com/store/apps/details?id=jp.co.rcsc.safetyTips.android>

- Iphone:

<https://apps.apple.com/jp/app/safety-tips/id858357174>



- (3) Có thể xem được thông tin về động đất và mưa lớn.

<https://www.jma.go.jp/jma/kokusai/multi.html>



2-3. Di chuyển đến nơi an toàn (sơ tán tránh nạn)

- (1) Khi xảy ra thiên tai lập tức di chuyển (tránh nạn) đến địa điểm an toàn.
- Khi không biết về địa điểm an toàn, hãy hỏi người Nhật “Doko ni nigetara ii desu ka?”
 - Khi không rõ khi nào thì đi sơ tán được hãy hỏi “Nigeru toki oshiete kudasai”
 - Để có thể thuận tiện sử dụng cả 2 tay, hãy bỏ tất cả những vật cần thiết vào balo mang theo đi lánh nạn.
 - Trước khi đi lánh nạn hãy tắt hết hệ thống gas, máy sưởi.



- (2) Nơi sơ tán (nơi lánh nạn khi xảy ra động đất, sóng thần)

Tại thành phố Miki khi xảy ra động đất, sóng thần, bão lũ.. nơi có thể lánh nạn đã được chỉ định trước.

Hội trường công cộng, trung tâm cộng đồng nơi gần nhà bạn nhất, hãy tìm hiểu thông tin địa điểm đó. Khi không rõ, xin vui lòng liên hệ Khoa Quản lý nguy cơ của văn phòng thành phố.

Tòa thị chính thành phố Miki Khoa quản lý nguy cơ ☎ 0794-82-2000



Khu vực	Địa điểm sơ tán	Liên hệ ☎
Miki	みきしちゅうおうこうみんかん 三木市中央公民館 Trung tâm cộng đồng thành phố Miki	0794-82-2007
	ふくいこみゆにていせんたー 福井コミュニティセンター Trung tâm cộng đồng Fukui	0794-82-7300
Miki Minami	みきみなみこうりゅうせんたー 三木南交流センター Trung tâm giao lưu Miki Minami	0794-83-1710
Bessho	べっしょちょうこうみんかん 別所町公民館 Trung tâm cộng đồng Bessho	0794-82-0072
Shijimi	しじみちょうこうみんかん 志染町公民館 Trung tâm cộng đồng Shijimi	0794-87-3814
Hosokawa	ほそかわちょうこうみんかん 細川町公民館 Trung tâm cộng đồng Hosokawa	0794-86-2059
Kuchiyokawa	くちよかわちょうこうみんかん 口吉川町公民館 Trung tâm cộng đồng Kuchiyokawa	0794-88-0004
Jiyugaoka	じゅうおかこうみんかん 自由が丘公民館 Trung tâm cộng đồng Jiyugaoka	0794-85-4700
Midorigaoka	みどりおかちょうこうみんかん 緑が丘町公民館 Trung tâm cộng đồng Midorigaoka	0794-85-7011
Aoyama	あおやまこうみんかん 青山公民館 Trung tâm cộng đồng Aoyama	0794-87-1300
Yokawa	よかわちょうこうみんかん 吉川町公民館 Trung tâm cộng đồng Yokawa	0794-72-1577

2-4. Các thiên tai, thảm họa khác

(1) Bão, mưa lớn.

- Khi bão đến, gió thổi mạnh do rất nguy hiểm bạn không nên ra ngoài.
- Sóng dâng cao, nước sông dâng cao rất nguy hiểm, không ra khu vực gần sông, biển.
- Nếu đất và cát sụp lở rất nguy hiểm không đến gần khu vực vách đá, vách núi.



- Lũ lụt (nước sông sẽ dâng cao và tràn bờ), các thảm họa về cát lở (núi và vách đá sẽ sụp đổ) có khả năng xảy ra. Kiểm tra bản đồ thông báo nguy hiểm để xem nơi nào nguy hiểm và nơi bạn có thể lánh nạn.
- Trong trường hợp bạn đang ở nơi có nguy cơ lũ lụt, sụt lở hãy sơ tán lánh nạn ở nơi an toàn.



(2) Động đất.

Nhật Bản là quốc gia có nhiều động đất. Trước khi động đất xảy ra hãy chắc chắn các tủ kệ, ngăn kéo không dễ bị đổ, đảm bảo sự an toàn khi trong phòng.

○ Khi ở trong các tòa nhà.

- Hãy chui xuống gầm bàn. Những đồ vật rơi từ trên xuống, tủ kệ bị đổ xuống rất nguy hiểm.
- Khi sự rung lắc ngưng lại hãy dập tắt đám cháy từ gas, lò sưởi.
- Động đất xảy ra lò sưởi bị đổ sẽ gây ra hỏa hoạn. Nếu tự mình có thể dập tắt được hãy dùng bình cứu hỏa dập tắt lửa.
- Trước khi thoát ra ngoài lánh nạn hãy tắt hết công tắc, cầu dao, đảm bảo nguồn điện được ngắt.

○ Khi ở ngoài đường.

- Đảm bảo các vật ở phía trên đầu như túi xách không rơi xuống. Lánh nạn tại nơi an toàn.
- Khi xảy ra động đất. Xe điện, xe bus sẽ dừng lại, đừng vội về nhà mà hãy tìm nơi an toàn lánh nạn. Cùng lúc đám đông muốn lên xe điện đổ ra đường để về nhà tình huống sẽ rất phức tạp, nguy hiểm.

○ Khi đang lái xe.

- Hãy từ từ dừng xe bên lề trái đường, tắt máy xe.
- Không khóa cửa xe, để lại chìa khóa trên xe và ra ngoài tìm nơi lánh nạn.

○ Khi ở gần khu vực sông, biển.

- Tại khu vực biển khi xảy ra động đất có khả năng xảy ra sóng thần. Hãy lánh xa khu vực gần sông, biển. Đi về khu vực trên cao.
- Hãy xem thông tin về sóng thần trên tivi hoặc internet.
- Khi không rõ vấn đề hãy hỏi người Nhật Bản "Tsunami wa daijobu desu ka?"

- Khi lánh nạn.
 - Khi không rõ nơi nào an toàn, hãy hỏi người Nhật “Doko ni nigetara iidesu ka?”
 - Không đến gần nơi vách đá vì có nguy cơ có thể sụp đổ bất cứ khi nào.
 - Khi có nguy cơ sóng thần hãy tránh xa khu vực gần sông biển, nên lánh nạn ở khu vực trên cao.

- Sau khi động đất xảy ra
Không bật lửa, vì có khả năng đường ống gas bị vỡ, khí gas thoát ra trong phòng.

- (3) Khi muốn liên hệ với gia đình người thân.
 Khi xảy ra động đất, điện thoại không thể liên hệ được, hãy sử dụng dịch vụ của công ty điện thoại. Khi không rõ hãy hỏi người Nhật “Dengon daiyaru no kakekata wo oshiete kudasai”

- Truyền phát tin nhắn thoại khi xảy ra thiên tai (NTT)
 Từ điện thoại hãy gọi 171, bạn có thể gửi thông tin hoặc nghe thông tin.

NTT Đông Nhật Bản <https://www.ntt-east.co.jp/saigai/voice171/>



NTT Tây Nhật Bản <https://www.ntt-west.co.jp/dengon/>



- Phiên bản nhắn thoại khi xảy ra thiên tai (Web 171)
 Từ máy tính hoặc điện thoại di động có thể gửi phát tin nhắn.

<https://www.web171.jp/web171app/topredirect.do>



- Dịch vụ phiên bản nhắn thoại khi xảy ra thiên tai (Điện thoại di động)
 Có dịch vụ gửi tin nhắn đến tổng đài công ty mạng điện thoại.

NTT DOCOMO <http://degon.docomo.ne.jp/top.cgi>
 <http://degon.docomo.ne.jp/Etop.cgi>



KDDI (au) <http://degon.ezweb.ne.jp/>



SOFTBANK / Y MOBILE <http://degon.softbank.ne.jp/>



(4) “Thông tin sơ tán” và “Cấp độ cảnh báo”

Các từ ngữ thường nghe thấy trên phương tiện truyền thông như tivi khi xảy ra thiên tai.

Thông tin sơ tán



Thông tin liên quan đến việc sơ tán (di chuyển đến nơi an toàn).

Sơ tán dành cho người lớn tuổi

- Chuẩn bị cho việc sơ tán.
- Những người lớn tuổi, trẻ em hoặc những người mất nhiều thời gian trong việc sơ tán hãy đi sơ tán.

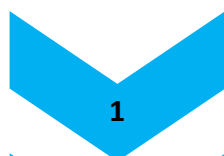
Chỉ thị sơ tán

- Hiểm họa xảy ra thiên tai cao.
- Mọi người lập tức sơ tán đến địa điểm an toàn.

Tình trạng an toàn khẩn cấp

- Khi thiên tai xảy ra hãy bảo vệ sinh mệnh quý giá của bạn.

Cấp độ cảnh báo



Các mức độ cảnh báo liên quan đến thảm họa sông nước, sụt lún (ngoại trừ sóng thần). Các thông tin về việc sơ tán (địa điểm an toàn để lánh nạn).

- Hãy tìm hiểu các thông tin thời tiết, mưa, sông hồ trên tivi hoặc internet.
- Hãy tìm hiểu làm thế nào và ở đâu có thể lánh nạn.
- Những người lớn tuổi, trẻ em hoặc những người mất nhiều thời gian trong việc sơ tán hãy đi sơ tán.
- Mọi người hãy đi lánh nạn tại địa điểm an toàn
- Khi thiên tai xảy ra hãy bảo vệ sinh mệnh quý giá của bạn.

Về thành phố Miki



Thành phố Miki thuộc tỉnh Hyogo có dân số khoảng 72.700 người, đây là thành phố nổi tiếng với bề dày lịch sử, văn hóa và cây xanh.

Từ lâu, thành phố đã được biết đến với cái tên "Thị trấn của công cụ kim loại" và nằm cạnh thành phố Kobe. Thành phố được kết nối với các tuyến đường cao tốc như Sanyo Jidousha, Chuugoku jidousha, Maizuru Wakasa Jidousha rất thuận tiện trong giao thông.

Những thứ nổi tiếng ở thành phố Miki là “Công cụ kim loại Miki” rượu gạo sake từ loại gạo nổi tiếng “Yamada Nishiki” và “Sân gôn”. "Công cụ kim loại Miki" là những công cụ được sử dụng khi xây nhà. "Yamada Nishiki" là một chủng loại gạo đặc biệt dùng để nấu rượu gạo, rượu gạo từ Yamada Nishiki đặc biệt thơm ngon. Thành phố Miki còn được biết đến với số lượng sân gôn lớn nhất ở miền Tây Nhật Bản.

Dân số 72,738 người (Số liệu 31 tháng 03 năm 2025)

Diện tích 176.51 km²

Xác nhập diện tích khu vực: Hợp nhất với Yokawa-Cho vào ngày 24 tháng 10 năm 2005.

Đặc sản thành phố: Công cụ kim loại Miki (Kanamono), rượu sake từ "Yamada Nishiki", quả nho.

Địa điểm tham quan du lịch: Công viên ngựa Miki Horse Land Park, Viện bảo tàng Kanamono công cụ kim loại, Suối nước nóng Onsen Yokawa, Công viên Shinlin Park, Michi No Eki miki.

Các sự kiện: Lễ hội Kanamono Miki, Lễ hội mùa hè Miki, Cuộc thi Marathon Miki Fureai, lễ hội Yamada Nishiki, Lễ hội mùa xuân Bessho Kou, Giải đấu gôn dành cho nữ giới thành phố Miki.



Biểu tượng thành phố Miki

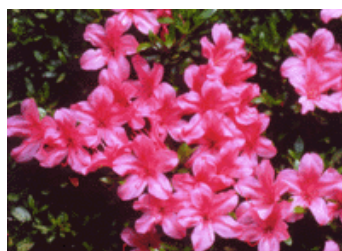
Đây là biểu tượng của trái tim và được hợp nhất bởi “Cây” hoặc “Kì”.

Khi nhìn về 3 phía đều có hình dạng như nhau với ý nghĩa được suy ra từ về đất, trời và con người.

Lá cờ thành phố



Hoa thành phố Satsuki



Cây thông thành phố



Danh sách thuật ngữ

Cụm từ tiếng Việt	Bản dịch tiếng Nhật (にほんご)	P
Quầy tư vấn cho người nước ngoài	外国人住民相談窓口(がいこくじんじゅうみんそうだんまどぐち)	1, 13
Phiếu cư dân	住民票(じゅうみんひょう)	3
Thủ tục chuyển đến	転入届(てんにゅうとどけ)	3, 4, 5
Giấy đăng kí kết hôn	婚姻証明書(こんいんしょうめいしょ)	3
Giấy khai sinh	出生証明書(しゅっしょうしょうめいしょ)	3
Bản sao phiếu cư dân	住民票(じゅうみんひょう)の写(うつ)し	6, 23
Thủ tục chuyển đi	転出届(てんしゅつとどけ)	4, 18
Thủ tục chuyển chỗ ở	転居届(てんきょとどけ)	4
Thông báo kết hôn	婚姻届(こんいんとどけ)	4
Giấy chứng nhận đủ điều kiện kết hôn	婚姻要件具備証明書(こんいんようけんぐびしょうめいしょ)	4
Thông báo tang sự	死亡届(しぼうとどけ)	4
Giấy khám tử thi	死亡診断書(しぼうしんだんしょ)	4
Giấy chứng nhận sau khi khám tử thi	死体検案書(したいけんあんしょ)	4
Cục quản lý xuất nhập cảnh Osaka, chi cục Kobe	大阪出入国在留管理局神戸支局(おおさかしゅつにゅうこくざいりゅうかんりきょくこうべしきょく)	4, 23
Đăng kí con dấu	印鑑登録(いんかんとうろく)	5
Đơn xin đăng kí con dấu	印鑑登録申請書(いんかんとうろくしんせいしょ)	5
Thẻ đăng kí con dấu	印鑑登録証(いんかんとうろくしょう)	5
Giấy chứng nhận đăng ký con dấu	印鑑登録証明書(いんかんとうろくしょうめいしょ)	5, 6
Thẻ bảo hiểm y tế	健康保険証(けんこうほけんしょう)	6
Đơn xin cấp thẻ My Number	マイナンバーカード交付申請書(まいなんばーかーどこうふしんせいしょ)	6
Sổ tay hướng dẫn tìm nhà	部屋探しのガイドブック(へやさがしのがいどぶっく)	7
Hướng dẫn thuê nhà cho người nước ngoài	外国人(がいこくじん)のための賃貸住宅入居の手引(ちんたいじゅうたくにゅうきよのてびき)	7
Chi cục thuế	税務署(ぜいむしょ)	10, 11
Thuế thu nhập	所得税(しょとくぜい)	10, 11
Khấu trừ thuế	源泉徴収(げんせんちょうしゅう)	10
Điều chỉnh thuế cuối năm	年末調整(ねんまつちょうせい)	10, 11

Cụm từ tiếng Việt	Bản dịch tiếng Nhật (にほんご)	P
Chi tiết về bảng lương	給与明細 (きゅうよめいさい)	10,11
Kê khai thuế	確定申告 (かくていしんこく)	10,11
Khấu trừ thuế thu nhập từ tiền lương	給与所得 (きゅうよしょとく) の源泉徴収票 (げんせんちょうしゅうひょう)	10
Bảo hiểm sức khỏe	健康保険 (けんこうほけん)	11, 14 24
Hưu trí quốc dân	国民年金 (こくみんねんきん)	11, 16 17, 18
Bảo hiểm phúc lợi hưu trí	厚生年金保険 (こうせいねんきんほけん)	11, 16 17, 18
Thuế cư trú	住民税 (じゅうみんぜい)	11
Thu đặc biệt	特別徴収 (とくべつちょうしゅう)	11
Thuế tiêu thụ	消費税 (しょうひぜい)	12
Thuế xe ô tô thường	自動車税 (じどうしゃぜい)	12
Thuế xe ô tô hạng nhẹ	軽自動車税 (けいじどうしゃぜい)	12
Thuế xe ô tô mức phân bổ theo hiệu suất môi trường	自動車税環境性能割 (じどうしゃぜいかんきょうせいのうわり)	12
Thuế xe ô tô hạng nhẹ mức phân bổ theo hiệu suất môi trường	軽自動車税環境性能割 (けいじどうしゃぜいかんきょうせいのうわり)	12
Thuế xe ô tô hạng nhẹ phân theo loại	軽自動車税種別割 (けいじどうしゃぜいしゅべつわり)	12
Thuế xe ô tô phân theo loại	自動車税種別割 (じどうしゃしゅべつわり)	12
Thuế cho xe trọng tải lớn	自動車重量税 (じどうしゃじゅうりょうぜい)	12
Thuế tài sản cố định	固定資産税 (こていしさんぜい)	12
Bảo hiểm y tế	医療保険 (いりょうほけん)	14, 19 22
Bảo hiểm y tế quốc gia	国民健康保険 (こくみんけんこうほけん)	14
Chế độ chăm sóc y tế cho người cao tuổi	後期高齢者医療制度 (こうきこうれいいりょうせいど)	14, 15
Trợ cấp y tế trẻ em	子ども医療費助成 (こどもいりょうひじょせい)	14, 15 25
Người lưu trú với tư cách được “Đặc cách sinh sống” với tư cách lưu trú y tế	「特定活動」 (とくていかつどう) の医療滞在 (いりょうたいざい) のための在留資格 (ざいりゅうしかく)	14, 15
Giấy thông báo mã số lương hưu cơ bản	基礎年金番号通知書 (きそねんきんばんごうつうちしょう)	16
Văn phòng hưu trí	年金事務所 (ねんきんじむしょ)	16
Người được bảo hiểm nhóm số 1	第1号被保険者 (だいいちごうひほけんしゃ)	17
Người được bảo hiểm nhóm số 2	第2号被保険者 (だいにごうひほけんしゃ)	17

Cụm từ tiếng Việt	Bản dịch tiếng Nhật (にほんご)	P
Người được bảo hiểm nhóm số 3	第3号被保険者 (だいさんごうひほけんしゃ)	17
Văn phòng hưu trí Akashi	明石年金事務所 (あかしねんきんじむしょ)	17,18
Lương hưu cơ bản cho người cao niên	老齡基礎年金 (ろうれいきそねんきん)	17
Lương hưu cơ bản cho người khuyết tật	障害基礎年金 (しょうがいきそねんきん)	17,18
Lương hưu cơ bản cho người trong gia đình còn sống	遺族基礎年金 (いぞくきそねんきん)	17
Tiền trợ cấp tử vong	死亡一時金 (しぼういちじきん)	17
Trợ cấp góa phụ	寡婦年金 (かふねんきん)	18
Lương hưu phúc lợi tuổi già	老齡厚生年金 (ろうれいこうせいねんきん)	18
Lương hưu phúc lợi dành cho người khuyết tật	障害厚生年金 (しょうがいこうせいねんきん)	18
Lương hưu phúc lợi cho người trong gia đình còn sống	遺族厚生年金 (いぞくこうせいねんきん)	18
Thanh toán một lần	脱退一時金 (だつたいいちじきん)	18
Bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng	介護保険 (かいごほけん)	18,19
Phúc lợi cho trẻ em	児童福祉 (じどうふくし)	19
Trợ cấp trẻ em	児童手当 (じどうてあて)	19,24
Trợ cấp trẻ phụ thuộc	児童扶養手当 (じどうふようてあて)	19
Trợ cấp đặc biệt cho trẻ phụ thuộc	特別児童扶養手当 (とくべつじどうふようてあて)	20
Phúc lợi dành cho trẻ khuyết tật	障害児福祉手当 (しょうがいじふくしてあて)	20
Phúc lợi dành cho người khuyết tật	障害福祉 (しょうがいふくし)	20
Sổ tay dành cho người khuyết tật cơ thể	身体障害者手帳 (しんたいしょうがいしゃてちょう)	20
Sổ tay phục hồi chức năng	療育手帳 (りょういくてちょう)	20
Sổ tay phúc lợi sức khỏe cho người khuyết tật tâm thần	精神障害者保健福祉手帳 (せいしんしょうがいしゃほけんふくしてちょう)	20
Trợ cấp đặc biệt cho người khuyết tật	特別障害者手当 (とくべつしょうがいしゃてあて)	21
Hỗ trợ cộng đồng	生活保護 (せいかつほご)	21
Chế độ hỗ trợ sinh hoạt độc lập cho đối tượng cần thiết	生活困窮者自立支援制度 (せいかつこんきゅうしゃじりつしえんせいど)	21
Sổ tay sức khỏe Mẹ và Bé	母子健康手帳 (ぼしけんこうてちょう)	22
Tiêm chủng dự phòng	予防接種 (よぼうせっしゅ)	22,25
Khám sức khỏe sản phụ	妊婦健診 (にんぷけんしん)	22

Cụm từ tiếng Việt	Bản dịch tiếng Nhật (にほんご)	P
Khám răng miệng sản phụ	妊婦歯科検診 (にんぷしかけんしん)	22
khám răng miệng	歯科健康診査 (しかけんこうしんさ)	22
Cơ quan Tamapiyo Saron	みっきいたまびよサロン (さろん)	23
Tham vấn chuyên gia phát triển trẻ sơ sinh	乳幼児発達専門相談 (にゅうようじはったつせんもんそうだん)	23
Thăm sản phụ	妊婦訪問 (にんぷほうもん)	23
Thăm hỏi trẻ	こんにちは赤 (あか) ちゃん訪問 (ほうもん)	23
Giấy khai sinh	出生届 (しゅっしょうとどけ)	23
Giấy chứng nhận khai sinh	出生届出書記載事項証明書 (しゅっしょうとどけでしよきさいじこうしょうめいしょ)	23
Giấy chứng nhận phiếu cư dân	住民票記載事項証明書 (じゅうみんひょうきさいじこうしょうめいしょ)	23
Tiền hỗ trợ sinh và chăm sóc trẻ	出産育児一時金 (しゅっさんいちじきん)	24
Trợ cấp thai sản	出産手当金 (しゅっさんてあてきん)	24
Trợ cấp nghỉ chăm sóc trẻ	育児休業手当金 (いくじきゅうぎょうてあてきん)	24
Bảo hiểm việc làm	雇用保険 (こようほけん)	24
Kiểm tra sức khỏe sản phụ	産婦健康診査 (さんぷけんこうしんさ)	24
Khám sức khỏe trẻ 1 tháng tuổi	1か月児健康診査(いっかげつじけんこうしんさ)	24
Khám sức khỏe trẻ sơ sinh	乳幼児健診 (にゅうようじけんしん)	25
Thời gian sau giờ học chính	アフタースクール (あふたーすくーる)	25
Phổ cập giáo dục bắt buộc	義務教育(ぎむきょういく)	26
Trường trung học phổ thông bán thời gian	定時制高校 (ていじせいこうこう)	26
Trường quốc tế	外国人学校 (がいこくじんがっこう)	26
trường trung học cơ sở học vào buổi tối	夜間中学 (やかんちゅうがく)	26
Hỗ trợ việc học tập	就学援助 (しゅうがくえんじょ)	27
Học bổng từ Hội đồng Giáo dục Thành phố Miki	三木市教育委員会奨学金 (みきしきょういくいんかいしょうがくきん)	27
Quỹ hỗ trợ bậc trung học phổ thông	高等学校就学支援金 (こうとうがっこうしゅうがくしえんきん)	27
Học bổng dành cho bậc trung học phổ thông	高校生等奨学給付金 (こうこうせいとうしょうがくきゅうふきん)	27
Hội tự quản	自治会 (じちかい)	30
Thẻ nhân viên công ty	社員証 (しゃいんしょう)	30
Thẻ học sinh	学生証 (がくせいしょう)	30
Giấy xác nhận tai nạn giao thông	交通事故証明 (こうつうじこしょうめい)	34
Sở cảnh sát	警察署 (けいさつしょ)	34



 0794-82-2000